

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Tháng 6 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Thời gian bắt đầu : 8h00 Thứ sáu, ngày 25/06/2021

Địa điểm tổ chức : Hội trường Công ty CP xăng dầu HFC tại Tầng F3, tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.

THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
7h30 – 8h00	Đăng ký đại biểu dự họp trực tuyến	Ban tổ chức
8h00 – 8h30	Ban Kiểm tra tư cách đại biểu công bố kết quả kiểm tra tư cách cổ đông. Khai mạc Đại hội, Giới thiệu Đoàn chủ tịch, chỉ định thư ký Đại hội, bầu Ban kiểm phiếu.	Trưởng Ban Kiểm tra tư cách đại biểu Chủ tọa
8h30 – 8h45	Chương trình, Quy chế làm việc và biểu quyết của Đại hội. Biểu quyết: Chương trình, Quy chế biểu quyết tại Đại hội.	Trưởng Ban Kiểm soát
8h45 - 9h00	1. Trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và KQ hoạt động của HĐQT năm 2020 2. Trình bày Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021.	Chủ tịch HĐQT/ Tổng giám đốc
9h00-9h15	3. Trình bày Báo cáo của BKS về kết quả tự đánh giá và giám sát năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021	Trưởng Ban kiểm soát
9h15 – 9h45	4. Tờ trình thông qua báo cáo Ban TGD, HĐQT, BKS 5. Tờ trình Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 6. Thông qua tờ trình phương án sử dụng lợi nhuận năm 2020, tỉ lệ chia cổ tức năm 2020 và dự kiến năm 2021 7. Thông qua tờ trình qua thù lao của HĐQT, BKS năm 2021 8. Thông qua tờ trình hợp đồng với người liên quan 9. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 10. Thông qua Tờ trình việc sửa đổi điều lệ tổ chức 11. Thông qua tờ trình sửa đổi quy chế quản trị Công ty; Bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT 12. Thông qua tờ trình bổ sung Quy chế hoạt động BKS 13. Thông qua tờ trình tái cơ cấu các công ty con 14. Thông qua tờ trình bầu Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026.	

THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
9h45 - 10h00	Thảo luận các vấn đề	Chủ Tọa
10h00 - 10h30	Hướng dẫn biểu quyết; Đại hội tiến hành bỏ phiếu biểu quyết.	Ban kiểm phiếu
10h30 - 11h00	Thông qua quy chế bầu cử; Hướng dẫn bầu cử; Đại hội tiến hành bầu cử Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021 - 2026.	
11h00 - 11h10	Nghỉ giải lao.	
11h10 - 11h20	Công bố kết quả kiểm phiếu. Thành viên HĐQT, BKS mới ra mắt Đại hội	Ban kiểm phiếu
11h20 - 11h30	Đọc Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội.	Thư ký đại hội
11h30 - 11h45	Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội.	Chủ tọa

BAN TỔ CHỨC ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2021

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Xăng dầu HFC

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (Mã chứng khoán **HFC - UpCom**) xin trân trọng thông báo và kính mời Quý Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần HFC bằng hình thức trực tuyến (*sau đây gọi tắt là “Đại hội trực tuyến”*) được tổ chức cụ thể như sau:

- 1. Thời gian:** Bắt đầu từ **8h00** thứ **Sáu**, ngày **25/06/2021**.
- 2. Địa điểm họp:** Hội trường Công ty Cổ phần xăng dầu HFC, Tầng F3, tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.
- 3. Thành phần tham dự:** Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) lập tại ngày 20/05/2021.
- 4. Hình thức tham dự:** Trong bối cảnh tình hình dịch viêm đường hô hấp cấp Covid 19 đang diễn biến rất phức tạp, nhằm tuân thủ các quy định về phòng chống dịch và giãn cách xã hội theo chỉ thị của Chính phủ và UBND TP. Hà Nội, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 theo hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử tại địa chỉ <https://ezgsm.fpts.com.vn>
- 5. Cách thức tham dự họp và biểu quyết:**
 - Cổ đông dự họp truy cập đường dẫn <https://ezgsm.fpts.com.vn> để tham dự Đại hội theo **thông tin đăng nhập** gồm: **Tên đăng nhập và Mật khẩu**, được gửi tới quý cổ đông theo Thư mời. Cổ đông có trách nhiệm bảo mật thông tin đăng nhập của mình để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không chịu trách nhiệm đối với những vấn đề phát sinh do cổ đông làm mất thông tin đăng nhập.
 - Trường hợp ủy quyền tham dự Đại hội: Quý cổ đông gửi văn bản ủy quyền theo mẫu của Công ty về địa chỉ: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông – CTCP Xăng dầu HFC: Tầng F3, Tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Thời gian chậm nhất trước: **trước 16h00 ngày 21/06/2021** để Công ty cung cấp thông tin đăng nhập cho người được ủy quyền tham dự Đại hội.
 - Trường hợp có vướng mắc, Quý cổ đông vui lòng liên hệ với Ban Tổ chức ĐHĐCĐ để được hướng dẫn. Email: nhan_dn@hanoifuel.com.vn - Điện thoại: (84-24) 3978 0731 (số máy lẻ: 802)

6. Chương trình họp và các tài liệu liên quan đến Đại hội: Chương trình họp và các tài liệu của Đại hội được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: www.hanoifuel.com.vn từ ngày 03/06/2021.

7. Trường hợp Quý cổ đông không nhận được Thư mời do nguyên nhân khách quan vẫn được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Cổ đông không nhận được Thư mời họp vui lòng liên hệ với Công ty để được hỗ trợ và cung cấp thông tin đăng nhập.

8. Cách thức gửi câu hỏi thảo luận và liên hệ hỗ trợ: Quý cổ đông có thể gửi câu hỏi thảo luận đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông qua đường dẫn: <https://ezgsm.fpts.com.vn> hoặc liên hệ trực tiếp đến công ty theo thông tin liên hệ sau:

- Bà.Đậu Ngọc Nhân – Thư ký HĐQT

- Trụ sở chính Công ty: Tầng F3, Tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: (84-24) 3978 0731 Fax: (84-24) 3978 2341

- Email: nhan_dn@hanoifuel.com.vn

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC trân trọng thông báo và rất mong các Quý cổ đông tham dự họp đầy đủ để Đại hội cổ đông thành công tốt đẹp.

Trân trọng!

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Hậu

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày ... tháng 06 năm 2021

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 BẰNG HÌNH THỨC HỌP TRỰC TUYẾN

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (“Luật Doanh nghiệp”) ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (“Điều lệ Công ty”).

Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC công bố Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (“HFC”) như sau:

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Tất cả các cổ đông và người được cổ đông ủy quyền tham dự họp lệ, khách mời Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (HFC) đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Quy chế này được áp dụng để tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC bằng hình thức trực tuyến và quy định về việc biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu điện tử của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cổ đông: là người sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC, có tên trong danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ chốt ngày 20/05/2021 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp hoặc là người được cổ đông ủy quyền

hợp lệ bằng văn bản và đã được HFC cấp tài khoản truy cập để đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.

2. Đại hội trực tuyến: là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể tham dự đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.

3. Địa điểm tổ chức Đại hội trực tuyến: bao gồm địa điểm chính và các địa điểm khác. Trong đó, địa điểm chính là nơi Đoàn Chủ tịch tham dự và chủ trì cuộc họp, các địa điểm khác là nơi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống EzGSM bằng Tài khoản truy cập đã được HFC cung cấp để tham dự Đại hội trực tuyến.

4. Bỏ phiếu điện tử: Là việc cổ đông thực hiện biểu quyết, bầu cử thông qua Hệ thống EzGSM theo quy định tại Quy chế này.

5. Phương tiện điện tử: là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự.

6. Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến: là việc cổ đông sử dụng Thông tin đăng nhập để truy cập vào hệ thống và đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định tại Quy chế này và hướng dẫn của HFC.

7. Thông tin đăng nhập: Bao gồm Tên đăng nhập (Username) và Mật khẩu (Password) được HFC cung cấp duy nhất cho từng cổ đông tại thư mời họp. Cổ đông có trách nhiệm bảo mật thông tin đăng nhập và các yếu tố định danh khác để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền sử dụng Thông tin đăng nhập để tham dự và bỏ phiếu trên hệ thống.

8. Phiên đăng nhập (Session): Là thời gian tính từ thời điểm cổ đông truy cập thành công vào Hệ thống cho đến khi: (i) hoặc là cổ đông thực hiện đăng xuất khỏi Hệ thống; (ii) hoặc cổ đông truy cập trên thiết bị khác; (iii) hoặc thời gian tổ chức Đại hội trực tuyến đã kết thúc; (iv) hoặc cổ đông tắt ngang (close) Hệ thống.

9. Hệ thống: là tổng hợp các cơ sở hạ tầng kỹ thuật để tổ chức, vận hành chương trình Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.

10. Thời gian mở cửa Hệ thống: là thời điểm bắt đầu để cổ đông có thể truy cập, đọc tài liệu, đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và có thể biểu quyết các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội. Hệ thống sẽ đóng truy cập theo thông báo của Chủ tọa hoặc Ban Tổ chức Đại hội.

CHƯƠNG II. NỘI DUNG QUY CHẾ

Điều 4. Điều kiện và cách thức tiến hành Đại hội trực tuyến

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tuyến theo đúng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC và theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Cổ đông đăng ký tham dự đại hội theo quy định tại Quy chế này là cơ sở xác định tỷ lệ cổ đông tham dự để tiến hành tổ chức Đại hội trực tuyến.

3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có sự tham dự của số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Tại thời điểm khai mạc Đại hội, số lượng cổ đông được xác định tham dự Đại hội trực tuyến được định nghĩa tại Điều 3.

Trường hợp không có đủ số lượng cổ đông cần thiết, trong vòng 30 phút kể từ thời điểm xác định khai mạc Đại hội, Người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

4. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Hệ thống phải được duy trì hoạt động an toàn và ổn định, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu kết nối, tham dự của các cổ đông.

- Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.

- Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

- Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được ghi nhận, lưu giữ và sử dụng theo đúng quy định.

Điều 5. Điều kiện tham dự đại hội

Các cổ đông của HFC theo danh sách chốt ngày 20/05/2021 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp, đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc ủy quyền cho đại diện của cổ đông tham dự họp theo hình thức trực tuyến, biểu quyết điện tử. Trường hợp cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội, thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện tham dự.

Điều 6. Khách mời tại địa điểm chính tổ chức Đại hội trực tuyến

Bao gồm người giữ các chức danh quản lý của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC, đại diện các cơ quan quản lý nhà nước, đại diện công ty kiểm toán.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

- Tham dự Đại hội trực tuyến và thực hiện biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC, Quy chế này và các hướng dẫn trên website: <https://hanoifuel.com.vn>.

- Có quyền phát biểu ý kiến, thảo luận tại Đại hội theo quy định tại Điều 15 của Quy chế này.

- Tuân thủ sự điều hành của Đoàn Chủ tịch, không gây rối hoặc gây mất trật tự trong Đại hội.

- Phải đăng ký thông tin số điện thoại di động, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác để Ban Tổ chức đại hội gửi thư mời họp và/hoặc tài liệu hướng dẫn thực hiện đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử. Cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác đối với các thông tin đã đăng ký. Trường hợp cần điều chỉnh thông tin hay hướng dẫn, cổ đông liên hệ Ban tổ chức đại hội theo số điện thoại đã được ghi trên Thư mời họp/Thông báo mời họp.
- Cổ đông phải chuẩn bị và sử dụng thiết bị họp trực tuyến phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của Đại hội trực tuyến.
- Mọi kết quả bỏ phiếu điện tử của cổ đông được xem là ý chí của cổ đông. Kết quả bỏ phiếu qua phương thức điện tử có đầy đủ giá trị pháp lý như bỏ phiếu tại Đại hội trực tiếp.
- Cổ đông được sử dụng thông tin đăng nhập do HFC cung cấp để truy cập, tham dự và thực hiện bỏ phiếu điện tử cho toàn bộ nội dung biểu quyết của Đại hội. Cổ đông phải chịu trách nhiệm và không được quyền khiếu nại khi cổ đông thoát khỏi hệ thống vì bất kỳ lý do gì hoặc để người khác sử dụng Thông tin đăng nhập của mình truy cập vào Hệ thống trong thời gian diễn ra Đại hội tính từ thời điểm Hệ thống mở cửa cho việc đăng ký tham dự, thảo luận, biểu quyết đến lúc đóng Hệ thống.
- Cổ đông có trách nhiệm bảo mật thông tin đăng nhập của mình để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự và bỏ phiếu điện tử trên hệ thống. HFC sẽ hỗ trợ tối đa trong việc đảm bảo cho cổ đông được tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không chịu trách nhiệm đối với những vấn đề phát sinh do cổ đông làm mất thông tin đăng nhập. Trường hợp ủy quyền tham dự Đại hội, cổ đông và người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo thông tin đăng nhập đã được cấp.
- Trường hợp cổ đông sau khi đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thể tham dự liên tục đến hết chương trình, có thể thực hiện biểu quyết đối với các nội dung cần xin ý kiến cổ đông trước khi đăng xuất Hệ thống.

Điều 8. Ban Tổ chức đại hội

1. Ban Tổ chức đại hội là cơ quan do Hội đồng quản trị thành lập. Số lượng và thành phần Ban Tổ chức đại hội do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Ban Tổ chức đại hội có trách nhiệm sau đây:
 - a. Thực hiện các công việc theo quy định tại Quy chế này.
 - b. Hướng dẫn, đầu mối giải đáp các thắc mắc của cổ đông về việc đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.
 - c. Chuẩn bị phương tiện điện tử, cơ sở vật chất đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.
 - d. Thực hiện các công việc khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 9. Ban kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông là bộ phận giúp việc của Ban Tổ chức đại hội. Ban kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông có 03 thành viên, gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên.

2. Ban kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông có trách nhiệm:

a. Kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động HFC và Quy chế này.

b. Báo cáo trước Đại hội trực tuyến về tỷ lệ cổ đông tham dự đại hội.

3. Phương thức kiểm tra: Ban kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông căn cứ vào thông tin đăng nhập từ Tài khoản của các cổ đông để làm cơ sở xác định số cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến.

Điều 10. Đoàn Chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch gồm 03 người. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa cuộc họp.

2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

- Điều hành Đại hội trực tuyến theo đúng Quy chế này và nội dung chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại Đại hội;

- Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số;

- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

3. Quyền của Đoàn Chủ tịch:

- Đoàn Chủ tịch có quyền thực hiện các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội trực tuyến một cách hợp lệ và có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông dự họp;

- Quyết định của Đoàn Chủ tịch về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình Đại hội trực tuyến sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

Điều 11. Ban Thư ký

Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Ban thư ký cuộc họp. Ban thư ký thực hiện các công việc sau:

a. Tổng hợp các ý kiến của cổ đông trong quá trình diễn ra Đại hội trực tuyến và gửi cho Đoàn Chủ tịch.

b. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ diễn biến của Đại hội trực tuyến và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội

c. Soạn thảo Biên bản và Nghị quyết để đại hội thông qua trước khi kết thúc đại hội.

d. Thực hiện các công việc khác theo phân công của Chủ tọa.

Điều 12. Ban Kiểm phiếu

Chủ tọa giới thiệu thành viên Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết thông qua. Ban kiểm phiếu có các quyền và nghĩa vụ như sau:

1. Hướng dẫn cho cổ đông cách thức biểu quyết, bầu cử tại Đại hội trực tuyến.

2. Tiến hành kiểm phiếu biểu quyết, bầu cử;

3. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu biểu quyết, bầu cử trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến (Check-in)

1. Mỗi cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của HFC được cung cấp một và chỉ một tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Cổ đông khi nhận được thư mời họp có thông tin liên quan đến việc đăng nhập vào hệ thống và các yếu tố định danh khác phải chịu trách nhiệm bảo mật thông tin của mình để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự và bỏ phiếu trên hệ thống; chuẩn bị thiết bị và kết nối Internet để có thể truy cập và sử dụng phần mềm ĐHĐCĐ trực tuyến theo đúng hướng dẫn của HFC. Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC sẽ hỗ trợ tối đa trong việc đảm bảo cho cổ đông được tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo chương trình chung, nhưng không chịu trách nhiệm đối với những vấn đề phát sinh do cổ đông làm mất thông tin đăng nhập hoặc lỗi truy cập do thiết bị và đường truyền của riêng cổ đông.

2. Cổ đông có nghĩa vụ cung cấp thông tin cá nhân và địa chỉ cho HFC theo quy định. Đồng thời để bảo mật thông tin cá nhân cho cổ đông, HFC có thể yêu cầu cổ đông cung cấp lại thông tin cá nhân, tối thiểu bao gồm: Số CMND/CCCD, Số điện thoại di động, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ liên lạc. HFC có thể gửi thông tin tên đăng nhập và mật khẩu để cổ đông tham dự và biểu quyết thông qua hòm thư điện tử hoặc hình thức khác theo thông tin đăng ký của cổ đông.

3. Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC khuyến nghị: khi nhận được thông tin đăng nhập tối thiểu bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu, cổ đông nên truy cập vào hệ thống để tiến hành đổi mật khẩu đăng nhập để đảm bảo bảo mật thông tin.

4. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

5. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Theo đó, với đại diện được ủy quyền, nếu bên được ủy quyền không phải cổ đông của HFC, sau khi nhận được ủy quyền bằng văn bản của bên ủy quyền và bên được ủy quyền có xác nhận hợp lệ, HFC sẽ cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập cho bên được ủy quyền để đại diện theo ủy quyền tiến hành thực hiện quyền và nghĩa vụ theo nội dung được ủy quyền. Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC cung cấp thông tin đăng nhập cho đại diện được ủy quyền qua hòm thư điện tử hoặc hình thức khác theo thông tin đăng ký của cổ đông. Cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm với thông tin ủy quyền đã gửi về HFC.

Điều 14. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Thời điểm biểu quyết

a. Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm mở cửa hệ thống đến trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Trường hợp cổ đông đã biểu quyết nhưng muốn thay đổi ý kiến thì phải thực hiện thay đổi trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Ý kiến biểu quyết sau cùng được Hệ thống ghi nhận trước thời điểm kết thúc biểu quyết là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu.

b. Trước khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông chỉ được biết kết quả bỏ phiếu của mình. Sau khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông sẽ biết được kết quả biểu quyết chung đối với từng nội dung do Đoàn Chủ tịch hoặc Ban kiểm phiếu công bố.

2. Cách biểu quyết

a. Cổ đông sử dụng Thông tin đăng nhập được HFC cung cấp tại Thư mời để truy cập vào website: <https://ezgsm.fpts.com.vn> theo hướng dẫn được đăng tải trên website: <https://hanoifuel.com.vn> để thực hiện biểu quyết.

b. Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “**Tán thành**”, “**Không tán thành**”, “**Không ý kiến**” đối với từng nội dung xin ý kiến và nhấn nút “**Biểu quyết**” để lưu và gửi kết quả biểu quyết về hệ thống. Trước khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông có thể thay đổi ý kiến biểu quyết bằng cách đánh dấu chọn lại ý kiến biểu quyết và nhấn nút “**Thay đổi biểu quyết**” để xác nhận ý kiến biểu quyết sau cùng. Trường hợp cổ đông không lựa chọn ý kiến nào (không đánh dấu chọn vào ô nào) sẽ được hiểu là cổ đông từ chối quyền và không tham dự biểu quyết tại nội dung đó; số phiếu của cổ đông không được cộng vào tổng số phiếu tham gia biểu quyết của nội dung không đánh dấu. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.

c. Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông.

d. Khi điều hành đại hội, Chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Ban Tổ chức đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Thông tin đăng nhập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

3. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua (Theo điều 148 luật doanh nghiệp 2020)

1, Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 luật doanh nghiệp năm 2020; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;
- e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

2, Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 luật doanh nghiệp năm 2020; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

3, Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực, hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4, Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

5, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

4. Kết quả biểu quyết

a. Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết.

b. Kết quả biểu quyết được Đoàn Chủ tịch hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

Điều 15. Thảo luận tại Đại hội trực tuyến

1. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra Đại hội trực tuyến.

3. Cổ đông có thể thảo luận tại Đại hội trực tuyến bằng hình thức phát biểu trực tuyến hoặc gửi ý kiến thông qua các phương thức kết nối trực tiếp được HFC hướng dẫn trên website Công ty. Ban thư ký có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cổ đông và gửi cho Đoàn Chủ tịch, đồng thời lưu lại tên cổ đông, mã cổ đông (nếu có) và nội dung câu hỏi.

4. Cổ đông đưa nội dung thảo luận cần ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp thắc mắc của cổ đông. Chủ tọa có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận; sẽ truất quyền tham dự Đại hội khi cổ đông cố tình không chấp hành các quy định của Đại hội, có hành vi gây rối, làm mất trật tự hoặc có hành động gây ảnh hưởng trực tiếp đến công tác điều hành Đại hội.

5. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được HFC tiếp tục trả lời cho cổ đông theo hình thức phù hợp.

Điều 16. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại Đại hội trực tuyến phải được Ban Thư ký ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

CHƯƠNG III. HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC bằng hình thức trực tuyến, bỏ phiếu điện tử bao gồm 17 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Trọng Hậu

HƯỚNG DẪN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC


Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (HFC) xin gửi tới các Quý cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông Hướng dẫn đăng nhập, tham dự, biểu quyết và bầu cử trên Hệ thống tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử EzGSM được cung cấp bởi Công ty cổ phần Chứng khoán FPT như sau:

1. Đăng nhập vào hệ thống tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến


Để tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC, quý cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền của cổ đông vui lòng truy cập vào website <https://ezgsm.fpts.com.vn> và đăng nhập vào hệ thống theo thông tin đã được gửi trong Thông báo thay đổi hình thức và thời gian họp đã được gửi cho Quý cổ đông.

HOTLINE: 19006446



Để sử dụng giao diện tiếng Anh, quý cổ đông vui lòng nhấn vào biểu tượng  (biểu tượng góc trên cùng bên phải).

Trường hợp quên mật khẩu truy cập, cổ đông nhấn “**Quên mật khẩu**”, nhập Tên đăng nhập và địa chỉ email (Email đã đăng ký với HFC – trường hợp chưa lưu ký cổ phiếu hoặc với các Công ty chứng khoán nơi mở tài khoản lưu ký cổ phiếu HFC). Mật khẩu truy cập vào hệ thống sẽ được gửi đến cổ đông thông qua địa chỉ email hợp lệ. Trường hợp cổ đông chưa đăng ký địa chỉ email, vui lòng liên hệ trực tiếp đến Công ty để được hỗ trợ lấy lại thông tin đăng nhập.




[Quay lại đăng nhập](#)

2. Đổi mật khẩu

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC khuyến nghị Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi nhận được thông tin đăng nhập, bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu, nên truy cập vào hệ thống để tiến hành đổi mật khẩu đăng nhập để đảm bảo bảo mật thông tin.

[TRANG CHỦ](#) [BIỂU QUYẾT - BẦU CỬ](#) [ỦY QUYỀN](#) [TÀI LIỆU ĐẠI HỘI](#) [LIVESTREAM](#) [LIÊN HỆ](#) [ĐỔI MẬT KHẨU](#)



3. Biểu quyết – Bầu cử trực tuyến

Hệ thống bỏ phiếu điện tử sẽ được mở chính thức từ **8h00 ngày 15/06/2021** cho đến khi Ban Chủ tọa thông báo kết thúc nội dung biểu quyết hoặc kết thúc Đại hội tại cuộc họp diễn ra vào ngày 25/06/2021.

Tại màn hình Trang chủ, cổ đông kiểm tra thông tin cá nhân được hiển thị và tình trạng Đại hội. Cổ đông thực hiện tích chọn **“Biểu quyết – Bầu cử trực tuyến”** để tiến hành bỏ phiếu điện tử với các nội dung thuộc thẩm quyền thông qua của Đại hội đồng cổ đông.

LỰA CHỌN CÁC HÌNH THỨC DỰ HỌP



a. Biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội

Tại Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC có **04 (ba) lần biểu quyết** theo nội dung chương trình Đại hội đã được gửi đến Quý cổ đông và công bố trên website của Công ty, cụ thể:

🚩 Biểu quyết lần 01:

BIỂU QUYẾT LẦN THỨ 1				
Số lượng cổ phiếu đại diện : 27,750				
Tiêu đề nội dung	Nội dung	<input type="checkbox"/> Tán Thành	<input type="checkbox"/> Không tán thành	<input type="checkbox"/> Không có ý kiến
Nội dung 01	Thông qua danh sách thành viên Đoàn chủ tịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 02	Thông qua danh sách thành viên Ban Kiểm phiếu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 03	Thông qua Chương trình Đại hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 04	Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

BIỂU QUYẾT

[Hướng dẫn biểu quyết]

🚩 Biểu quyết lần 02

BIỂU QUYẾT LẦN THỨ 2

Số lượng cổ phiếu đại diện : 27,750

Tiêu đề nội dung	Nội dung	<input type="checkbox"/> Tán Thành	<input type="checkbox"/> Không tán thành	<input type="checkbox"/> Không có ý kiến
Nội dung 01	Thông qua Báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD, đầu tư năm 2020, đánh giá kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2016-2020; dự kiến Kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2021 và kế hoạch SXKD 5 năm 2021-2026	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 02	Thông qua Báo cáo của BKS về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của HĐQT và Ban TGD năm 2020; đánh giá kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2016-2020 và kế hoạch năm 2021; thẩm định của BKS về BCTC kiểm toán	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 03	Thông qua Tờ trình của HĐQT về Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2020 của Tổng công ty đã được kiểm toán và kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 04	Thông qua Tờ trình của HĐQT về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và định hướng giai đoạn 2021-2026 của Tổng công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 05	Thông qua Tờ trình của HĐQT về việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 06	Thông qua Tờ trình của HĐQT về việc quyết toán quỹ lương, thù lao của người quản lý năm 2020 và thông qua Quỹ tiền lương, thù lao của người quản lý Tổng công ty năm 2021.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 07	Thông qua Tờ trình của HĐQT về việc dừng thực hiện Đề án Tái cấu trúc Tổng công ty giai đoạn 2015-2016 và 2016-2020, Báo cáo của HĐQT về việc định hướng công tác tái cơ cấu giai đoạn 2021-2026.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 08	Thông qua Tờ trình của HĐQT về danh sách ứng viên để bầu thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty nhiệm kỳ 2021 - 2026	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 09	Thông qua Tờ trình của HĐQT về danh sách ứng viên để bầu thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2021 - 2026	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

BIỂU QUYẾT

[Hướng dẫn biểu quyết]

Biểu quyết lần 03

BIỂU QUYẾT LẦN THỨ 3				
Số lượng cổ phiếu đại diện : 27,750				
Tiêu đề nội dung	Nội dung	<input type="checkbox"/> Tán Thành	<input type="checkbox"/> Không tán thành	<input type="checkbox"/> Không có ý kiến
Nội dung 13	Thông qua Tờ trình của HĐQT về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 14	Thông qua Tờ trình của HĐQT về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 15	Thông qua Tờ trình của HĐQT về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 16	Thông qua Tờ trình của HĐQT về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

BIỂU QUYẾT [Hướng dẫn biểu quyết]

Biểu quyết lần 04

BIỂU QUYẾT LẦN THỨ 4				
Số lượng cổ phiếu đại diện : 27,750				
Tiêu đề nội dung	Nội dung	<input type="checkbox"/> Tán Thành	<input type="checkbox"/> Không tán thành	<input type="checkbox"/> Không có ý kiến
Nội dung 17	Thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Tổng công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

BIỂU QUYẾT [Hướng dẫn biểu quyết]

Với các nội dung biểu quyết, Quý cổ đông tick chọn 1 trong 3 ô: **Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến**, sau đó Quý vị thực hiện nhấn **“Biểu quyết”**, hệ thống sẽ ghi nhận và lưu lại kết quả biểu quyết.

Cổ đông đã biểu quyết các nội dung tại Đại hội, trước khi Chủ tọa thông báo kết thúc thời gian biểu quyết của nội dung đó, có thể thay đổi kết quả biểu quyết bằng cách nhấn nút

THAY ĐỔI BIỂU QUYẾT

sau đó nhấn **“Biểu quyết”** để hệ thống ghi nhận kết quả biểu mới.

b. Bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tại Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC có **02 nội dung bầu cử: Bầu cử thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026.**

BẦU 05 THÀNH VIÊN HĐQT TỔNG CÔNG TY NHIỆM KỲ 2021 - 2026

Số lượng cổ phiếu đại diện : 27,750

Số lượng thành viên bầu : 5

Số lượng quyền bầu cử tương ứng : 138,750

Họ và tên ứng viên	Bầu dồn đều phiếu	Số phiếu bầu
Ứng Viên 01	<input type="checkbox"/>	<input type="text"/>
Ứng Viên 02	<input type="checkbox"/>	<input type="text"/>
Ứng Viên 03	<input type="checkbox"/>	<input type="text"/>
Ứng Viên 04	<input type="checkbox"/>	<input type="text"/>
Ứng Viên 05	<input type="checkbox"/>	<input type="text"/>

BẦU CỬ

[Hướng dẫn bầu cử]

BẦU 05 THÀNH VIÊN BKS TỔNG CÔNG TY NHIỆM KỲ 2021 - 2026

Số lượng cổ phiếu đại diện : 27,750

Số lượng thành viên bầu : 5

Số lượng quyền bầu cử tương ứng : 138,750

Họ và tên ứng viên	Bầu dồn đều phiếu	Số phiếu bầu
Ứng Viên 01	<input type="checkbox"/>	<input type="text"/>
Ứng Viên 02	<input type="checkbox"/>	<input type="text"/>
Ứng Viên 03	<input type="checkbox"/>	<input type="text"/>
Ứng Viên 04	<input type="checkbox"/>	<input type="text"/>
Ứng Viên 05	<input type="checkbox"/>	<input type="text"/>

BẦU CỬ

[Hướng dẫn bầu cử]

Cổ đông tiến hành bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó cổ đông có số phiếu bầu cử bằng số lượng cổ phiếu đại diện nhân với số lượng thành viên cần bầu tương ứng của Thành viên HĐQT hoặc BKS.

- Cổ đông bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu (05 người) và số phiếu bầu phải đảm bảo bằng số phiếu được quyền bầu (không lớn hơn hoặc nhỏ hơn).
- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, cổ đông tích chọn vào ô **“Bầu dồn đều phiếu”** của các ứng viên tương ứng
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, cổ đông ghi rõ số phiếu bầu vào ô **“Số phiếu bầu”** của các ứng viên tương ứng.
- Trường hợp cổ đông vừa tích chọn ở ô **“Bầu dồn đều phiếu”**, vừa ghi rõ số phiếu bầu vào ô **“Số phiếu bầu”**, hệ thống tự động lấy số liệu theo số phiếu cổ đông ghi tại ô **“Số phiếu bầu”**.

Cổ đông đã bầu cử, trước khi Chủ tọa thông báo kết thúc thời gian bầu cử HĐQT và BKS, có thể thay đổi kết quả bầu cử bằng cách nhấn nút **THAY ĐỔI BẦU CỬ** sau đó nhấn **“Bầu cử”** để hệ thống ghi nhận kết quả mới.

Lưu ý: Cổ đông và người đại diện theo ủy quyền hợp lệ được tính là tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi biểu quyết ít nhất 01 lần biểu quyết hoặc bầu cử trên hệ thống EzGSM.

4. Ủy quyền

Cổ đông không tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc chương trình Đại hội. Cổ đông thực hiện thao tác ủy quyền trực tuyến bằng cách tích chọn như sau:

LỰA CHỌN CÁC HÌNH THỨC DỰ HỌP



ỦY QUYỀN DỰ ĐẠI HỘI

BÊN ỦY QUYỀN

Mã Đại biểu:	TVN.000020	Số cổ phần sở hữu:	27.750
Số ĐKNSH:	011645886	Số cổ phần đã ủy quyền:	0
Quốc tịch:	Viet Nam	Số cổ phần nhận UQ:	0
Họ và tên:	TRẦN VĂN B	Số cổ phần còn lại:	27.750
Địa chỉ:	Số 66 ngõ 218 Tây Sơn - Hà Nội		

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

Ủy quyền cho: Thành viên HĐQT hoặc BKS Cổ đông khác Người nhận ủy quyền khác

Mã Đại biểu:

Số ĐKNSH:

Quốc tịch:

Họ và tên:

Địa chỉ:

Số cổ phần nhận UQ:

Cổ đông lựa chọn ủy quyền cho Thành viên HĐQT/BKS (theo danh sách sẵn có), cho cổ đông hoặc người nhận ủy quyền khác bằng cách tích chọn vào ô trống trước các lựa chọn này. Cổ đông điền số lượng cổ phần ủy quyền, sau đó nhấn

ỦY QUYỀN

để ghi nhận ủy quyền trên hệ thống. Hệ thống sẽ tự động gửi thông báo cho cổ đông như sau:



Kính mời Quý cổ đông in và gửi bản cứng về tổ chức phát hành trước ngày được quy định tại Thư mời họp

OK

Sau khi thực hiện thao tác nêu trên, ủy quyền của cổ đông ở trạng thái “Chưa phê duyệt”. Quý cổ đông có thể Hủy ủy quyền hoặc tiến hành in Giấy ủy quyền và gửi bản cứng về địa chỉ liên hệ của HFC theo quy định tại Thông báo mời họp.

STT	Ngày UQ	Người nhận UQ	Người UQ	Số lượng UQ	Người tạo UQ	Trạng thái	Hành động
1	28/05/2021 3:05:26 CH	VŨ BÁ KHÁNH	TRẦN VĂN B	27.750	TVN.000020	Chưa phê duyệt	

Sau khi nhận được Giấy ủy quyền hợp lệ của cổ đông, HFC sẽ tiến hành phê duyệt ủy quyền và chính thức ghi nhận số lượng cổ phần ủy quyền cho Bên nhận ủy quyền. Cổ đông đã ủy quyền vẫn có thể truy cập hệ thống nhưng không có quyền biểu quyết – bầu cử trực tuyến.

5. Thảo luận



Cổ đông vui lòng gửi câu hỏi thảo luận tại chat box phía dưới cùng, bên phải giao diện của cổ đông hoặc để lại địa chỉ liên hệ để HFC liên hệ hỗ trợ.

6. Các tính năng khác:

- **Tính năng livestream:** Trong ngày tổ chức Đại hội, cổ đông có thể thực hiện việc theo dõi diễn biến và tiến trình họp Đại hội đồng cổ đông.
- **Tài liệu đại hội:** Tất cả các tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được đăng tải tại mục Tài liệu Đại hội trên hệ thống EzGSM. Cổ đông nhấn vào từng tài liệu để xem và tải tài liệu.
- **Liên hệ:** Mọi ý kiến thắc mắc hoặc câu hỏi chất vấn của Quý vị cổ đông xin vui lòng gửi tới Ban tổ chức theo thông tin tại tab này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC
BAN TỔ CHỨC ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Số: 35.1/2021/TTr/HFC-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**Về việc Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC****Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua nội dung sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
2. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả tự đánh giá và giám sát năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
3. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.**Nơi nhận:**

- Cổ đông CTCP Xăng dầu HFC;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH****Nguyễn Trọng Hậu**

Số: 30/2021/BC/HFC-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

I. MỘT SỐ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2020

Bối cảnh kinh doanh: Năm 2020 dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế – xã hội. HFC chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch. Đó là:

- Tháng 2/2020 dịch bùng phát. Chính phủ thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội, hạn chế lưu thông nhằm giảm nguy cơ lây nhiễm. Sản lượng bán hàng tại các cửa hàng của HFC tại Hà Nội bắt đầu sụt giảm, sản lượng khối buýt giảm còn 80%.
- Tháng 3 và 4/2020 là thời gian khó khăn đỉnh điểm của Công ty:
 - + Toàn xã hội cách ly trong 15 ngày, vận tải buýt nội đô dừng hoạt động 19 ngày; Dẫn tới sản lượng của HFC giảm 20% trong khi áp lực chi phí không đổi;
 - + Giá xăng dầu giảm mạnh trong giai đoạn này nhưng chiết khấu mua vào cũng bị giảm theo (trái ngược với quy luật trước đó). Có thời điểm chiết khấu xuống mức 0 VND/lít tại kho nguồn, nghĩa là Công ty bị lỗ ngay tại thời điểm mua hàng.
- Tháng 5/2020: xuất hiện tình trạng khan hiếm hàng hóa đã dẫn đến chiết khấu giảm mạnh giai đoạn từ đầu tháng 5 đến 30/6/2020. Chiết khấu mua vào bình quân của công ty dưới 200 đồng/lít, công ty lỗ ngay khi hàng về tới công ty. Nguyên nhân vì nhu cầu tăng đột biến, trong khi sản xuất chưa kịp phục hồi sau giai đoạn tạm dừng sản xuất đợt tháng 2,3 để đối phó với tình trạng thừa cung.
- Sản lượng giảm dẫn tới áp lực chi phí tồn kho của HFC tăng cao.

Kết quả chung: Trước những khó khăn gây ra bởi nguy cơ từ tình hình dịch bệnh, Công ty đã thực hiện các biện pháp giảm lương, tăng năng suất lao động, siết giảm chiết khấu bán hàng,... tuy nhiên tất cả các biện pháp đó không bù đắp được thiệt hại về sản lượng và chiết khấu mua hàng. Kết sản xuất kinh doanh vẫn lỗ. Cụ thể:

Doanh thu năm 2020 chỉ đạt 1.479 tỷ, bằng 68% năm 2019,

Lợi nhuận gộp chỉ đạt 89 tỷ tương ứng với 85% của năm 2019.

Lợi nhuận trước thuế: - 5,6 tỷ; Lợi nhuận sau thuế - 8,161 tỷ. *(phát sinh -2,5 tỷ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung khi quyết toán thuế các năm 2018,2019).*

1. Bảng kết quả sản xuất kinh doanh 2020

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH			
		DVT :	1,000,000
Chỉ tiêu (Tỷ đồng)	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	% Tăng giảm so với 2019
Doanh thu thuần	1,479,616	2,177,035	68%
Giá vốn hàng bán	1,389,955	2,071,241	67%
Lợi nhuận gộp	89,661	105,794	85%
Chi phí tài chính	11	23	48%
Chi phí bán hàng	51,550	53,904	96%
Chi phí quản lý	30,176	32,477	93%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(4,602)	6,572	-70%
Lợi nhuận khác	1,435	1,275	113%
Lợi nhuận trước thuế	(5,615)	5,922	-95%
Lợi nhuận sau thuế	(8,161)	5,100	-160%

2. Tài sản và nguồn vốn

- Tình hình tài sản:

		DVT :	1,000,000
Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2020	2019	% tăng/giảm
1. Tài sản ngắn hạn	240,217	222,056	108%
Tiền và các khoản tương đương tiền	8,099	13,478	60%
Các khoản phải thu	220,661	189,955	116%
Hàng tồn kho, TS ngắn hạn khác	11,457	18,623	62%
2. Tài sản dài hạn	103,913	114,014	91%
Tài sản cố định	51,088	59,521	86%
Bất động sản đầu tư	16,345	13,610	120%
Tài sản dài hạn khác	36,481	40,883	89%
Tổng tài sản	344,130	336,070	102%

Tổng tài sản cuối năm 2020 là 344 tỷ tăng 2% so với năm 2019. Nguyên nhân chính là:

- + Bất động sản đầu tư tăng 20% do bàn giao công trình Nhà 6 tầng tại số 1 thi sách.
- + Tăng các khoản phải thu, chủ yếu là do khách hàng khối vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt chậm được giải ngân của tiền ngân sách nhà nước.

- Nguồn vốn :

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2020	2019	% tăng/giảm
1. Nợ ngắn hạn	263,786	261,253	101%
Vay ngắn hạn	169,000	190,000	89%
Phải trả người bán, phải trả khác	94,786	71,253	133%
2. Nợ dài hạn	23,157	7,175	323%
Vay nợ dài hạn	23,157	7,175	323%
3. Vốn chủ sở hữu	57,187	67,642	85%
Tổng nguồn vốn	344,130	336,070	102%

Khoản mục phải trả người bán là 94 tỷ, tăng 23 tỷ so với năm 2019 chủ yếu do phải cân đối khoản tăng nợ phải thu đối với khách hàng vận tải buýt. Vay nợ dài hạn là

23,1 tỷ và tăng so với năm 2019 là do trong năm Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi 17,4 tỷ.

II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH NĂM 2020 – CÔNG TY MẸ

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020:

KẾT QUẢ KINH DOANH 2020								
STT	Danh mục	LŨY KẾ 2019		KẾ HOẠCH		LŨY KẾ 2020		
		2019	Đồng/ lít	2020	Đồng/ lít	2020	Đồng/ lít	%
I	CHỈ TIÊU VỀ DOANH THU							
1	Sản lượng	134,145,016		144,434,936		117,036,906		81%
2	Chiết khấu giữ lại	803		849		775		91%
3	Lợi nhuận gộp	121,418,269,060		127,773,737,622		105,232,235,818		82%
	<i>Lợi nhuận gộp xăng dầu</i>	<i>107,754,520,528</i>		<i>122,601,456,547</i>		<i>66,896,301,723</i>		
	<i>Lợi nhuận khác</i>	<i>13,663,748,532</i>		<i>5,172,281,074</i>		<i>10,470,638,836</i>		
II	CỘNG CHI PHÍ	118,223,405,927	881	120,255,762,213	833	113,070,517,972	966	94%
1	Chi phí cố định và thường xuyên	36,331,081,973	271	32,554,186,284	225	40,878,109,048	349	126%
2	Chi phí trả người lao động	37,195,126,559	277	44,052,655,549	305	39,645,097,438	339	90%
3	Lãi vay	18,404,434,693	137	15,887,842,985	110	12,538,012,376	107	79%
4	Chi phí trực tiếp bán hàng	11,142,510,727	83	10,862,189,856	75	8,344,020,368	71	77%
5	Chi phí vận chuyển	15,150,251,975	113	16,898,887,539	117	11,665,278,742	100	69%
III	LỢI NHUẬN	3,194,863,133		7,517,975,409		(7,838,282,154)		

1.1. Phân tích kết quả sản xuất kinh doanh mảng xăng dầu:

Năm 2020 công ty lỗ lũy kế 7,838 tỷ và lỗ so với kế hoạch là 15,355 tỷ.

Nguyên nhân lỗ chủ yếu là do sản lượng không đạt kế hoạch, chiết khấu thấp trong quý II, quý IV và tăng chi phí cố định do tăng khấu hao và phân bổ tài sản. Cụ thể như sau:

- Quý I/2020 Công ty lãi khoảng 0,93 tỷ. Do dịch bệnh bùng phát bắt đầu từ tháng 2/2020, việc kinh doanh trong quý 1 có bị ảnh hưởng nhưng vẫn có lãi.
- Quý II/2020 Công ty đã lỗ 11,265 tỷ đồng, đây là quý lỗ nhiều nhất trong năm. Quý II/2020 là quý cách ly xã hội vì vậy sản lượng bán hàng chỉ đạt 26 triệu lít và đây cũng là Quý có chiết khấu thấp nhất với bình quân khoảng 370đ/lít, có những thời điểm chiết khấu mua vào 0 đ/lít Công ty phải chịu lỗ chi phí vận chuyển khoảng 100đ/lít để vận chuyển về cửa hàng bán lẻ và lỗ chi phí hoạt động để duy trì hệ thống.
- Quý III/2020 Công ty lãi 5,1 tỷ đây là Quý lãi nhất trong năm do sản lượng và chiết khấu được hưởng cao nhất. Sản lượng bán ra 31 triệu lít cao hơn quý II khoảng 5 triệu lít và chiết khấu được hưởng 1004đ/ lít cao hơn quý II 634 đ/lít.
- Quý IV/2020 Công ty lỗ khoảng 2,6 tỷ. Mặc dù sản lượng bán ra trong Quý cao, đạt 32 triệu lít nhưng chiết khấu mua vào lại giảm còn 741đ/lít. Chi phí Cố định Quý IV cao do một số thiết bị và hạng mục Công trình đưa vào khấu hao và phân bổ, tăng khoảng 1,3 tỷ so với các Quý khác trong năm.

Mặc dù công ty đã thực hiện cắt giảm một số khoản mục chi phí, bao gồm cả cắt

giảm tiền lương người lao động nhưng mức giảm không bù được khoản lỗ do ảnh hưởng của giảm sản lượng cả năm và chiết khấu bình quân năm thấp. Ảnh hưởng của 2 nguyên nhân này lên kết quả kinh doanh cả năm như sau:

- + Do tác động của cách ly xã hội, dừng hoạt động của khối buýt đã làm giảm sản lượng của công ty các tháng 3,4,5 còn 30% so với kế hoạch, đồng thời tác động lên tổng sản lượng. Tính cả năm 2020, Công ty chỉ đạt 81% kế hoạch tương ứng mức sản lượng là 117.036.906 lít. Nguyên nhân này làm Công ty giảm lợi nhuận gần 11 tỷ đồng.
- + Do ảnh hưởng của các nguyên nhân nguồn hàng, năm 2020 bình quân chiết khấu của Công ty chỉ đạt khoảng 775đ/lít. Với chi phí vốn khoảng 812 đ/lít công ty đã bị thiệt hại gần 12,6 tỷ đồng.

1.2. Quản trị chi phí:

- Chi phí lãi vay :

- + Với kế hoạch chi phí lãi vay khoảng 15,9 tỷ, thực hiện là 12,3 tỷ đ/lít giảm 3,6 tỷ so với kế hoạch mặc dù trong năm tổng mức dư công nợ đối với khách hàng gần như không thay đổi. Đặc biệt đối với khối khách hàng buýt, do ảnh hưởng của việc chậm giải ngân từ nguồn chi ngân sách, bình quân hệ số công nợ của khối khách hàng này với công ty tăng từ 1,5 tháng (mức dư nợ là 45 tỷ) lên 5 tháng tương đương mức dư nợ là 150 tỷ.
- + Để giảm chi phí lãi vay Công ty đã thực hiện chính sách hạn chế bán hàng đối với khách hàng có nợ và đàm phán tận dụng tối đa hạn mức nợ đối với nhà cung cấp.

- Về chi phí tiền lương:

Với kế hoạch là 44,1 tỷ và thực tế chi là 39,6 tỷ, giảm 4,5 tỷ. Công ty đã thực hiện cắt giảm lương hiệu quả và giảm lương trong một số tháng do ảnh hưởng của dịch bệnh.

- Các khoản mục phí khác:

- + Chi phí cố định tăng khoảng 27% nguyên nhân là do đưa tài sản, công cụ vào sử dụng dẫn tới chi phí khấu hao và phân bổ tăng.
- + Chi phí trực tiếp bán hàng và chi phí vận chuyển giảm so với kế hoạch.

2. Các điều hành khác:

- **Thực hiện đề án tăng năng suất lao động:** Trong năm 2020 Công ty đã đánh giá lại toàn bộ lao động trong Công ty nhằm phục vụ kế hoạch tổ chức lại công việc theo định hướng tăng năng suất lao động.
- **Xây dựng hệ thống tự động hóa :** Năm 2020 Công ty đã triển khai bổ sung một số ứng dụng công nghệ như sau:

- + Hệ thống bán hàng không dùng tiền mặt
- + Quản lý kho tự động bằng hệ thống que đo và barem điện tử.
- + Thử nghiệm hệ thống quản lý khách hàng bằng thẻ từ
- **Đầu tư cải tạo cơ sở vật chất:** Hoàn thành thủ tục pháp lý với địa điểm 64 đường Láng và đưa vào hoạt động kinh doanh từ đầu tháng 10/2020.
- **Huy động vốn:** Công ty đã phát hành xong trái phiếu chuyên đổi, thu về: 17.427.700.000 đồng (mười bảy tỷ bốn trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng).

3. Tác động của những chính sách của nhà nước

- Trong năm 2020, Chính phủ có đưa ra nhiều chính sách nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid như: giảm lãi vay, gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất, tạm dừng đóng BHXH,... Tuy nhiên mặc dù đã cố gắng làm các thủ tục cần thiết nhưng Công ty không được hưởng các chính sách trên.
- Do bị điều chỉnh bởi nghị định số 20/2017/NĐ-CP (nay là nghị định 132/2020/NĐ-CP) quy định về công ty có giao dịch và quan hệ liên kết: không chế chi phí lãi vay tối đa là 30% tổng lợi nhuận thuần cộng với chi phí lãi vay (sau khi trừ đi lãi tiền gửi) cộng chi phí khấu hao. Theo kết quả quyết toán thuế năm 2018 và 2019 chi phí lãi vay bị cơ quan thuế loại khỏi chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp là khoảng gần 10 tỷ đồng, cộng thêm các chi phí bị loại khác dẫn tới công ty bị truy thu thêm 2,5 tỷ tiền thuế TNDN của các năm 2018, 2019, tính vào chi phí của năm 2020.

III. KẾ HOẠCH NĂM 2021

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh :

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2020	%KH/TH
1	Sản lượng	1.000 lít	133.286	117.037	114%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.920	1.480	130%
3	Lợi nhuận trước thuế từ HĐSXKD	Tỷ đồng	9,57	(5.615)	
4	Năng suất lao động	m3/người/tháng	40,537	35,595	114%
5	Cổ tức		5%	0%	

Năm 2021 dự kiến sản lượng 133.3 triệu lít tăng 14% so với năm 2020.

Doanh thu là 1.920 tỷ đồng tăng 130% so với năm 2020,

Lợi nhuận trước thuế toàn Công ty khoảng 9,6 tỷ.

2. Giải pháp

- Tăng tỷ trọng bán lẻ/ Tổng sản lượng bán hàng bằng cách tăng năng suất lao động và chất lượng dịch vụ nhằm đảm bảo tính ổn định về dòng tiền và lợi thế thương mại
- Tăng cường quản trị số; mở rộng các hoạt động bán hàng tự động, xuất hóa đơn tự động, cung cấp các dịch vụ số cho khách hàng thân thiết...
- Quản trị mua hàng nhằm đảm bảo an toàn chất lượng hàng hóa, ngăn ngừa hao hụt và tận dụng tối đa cơ chế chiết khấu bán hàng của nguồn mua.
- Tiếp tục cải tiến hệ thống quản trị nhằm tăng cường động lực và năng lực làm việc; tăng năng suất lao động.
- Khai thác tối đa nguồn lực nội tại để gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tái cơ cấu hai công ty con là Công ty vận tải và Công ty dịch vụ theo hướng sáp nhập nhằm loại bỏ rủi ro về thuế theo quy định tại nghị định 20/2017/NĐ-CP và 132/2020/NĐ-CP về không chế chi phí lãi vay.

3. Dự báo nguy cơ

Năm 2021, Công ty tiếp tục đối mặt với các nguy cơ trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch đặt ra, bao gồm:

- + Rủi ro về tác động của dịch bệnh: Trong dự kiến kế hoạch, Công ty chưa tính tới tác động của đại dịch Covid cho 8 tháng cuối năm. Các tác động này có thể ảnh hưởng cả đến sản lượng bán hàng và cơ chế chiết khấu mua hàng của Công ty.
- + Rủi ro về chính sách vĩ mô: Trong kế hoạch, Công ty chưa đưa vào các tác động của chính sách điều hành lãi suất ngân hàng và các cơ chế kiểm soát tín dụng. Các rủi ro này có thể xảy ra do sự biến động của thị trường tài chính, tình hình lạm phát và các chính sách điều hành của Chính phủ. Các yếu tố rủi ro này nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí lãi vay và sự ổn định về nguồn tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh.

Ứng phó với nguy cơ: Căn cứ theo tình hình dịch bệnh, biến động thị trường và chính sách điều hành của chính phủ, Công ty sẽ chủ động các giải pháp điều hành, tận dụng thời cơ nhằm giảm thiểu thiệt hại tài chính. Một mặt, Công ty sẽ tập trung vào công tác quản trị, tiếp tục nâng cao hiệu suất lao động và hiệu quả làm việc của đội ngũ lao động./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Hậu

Số: 31/2021/BC/HFC-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Thực hiện Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xăng dầu HFC, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty Xăng dầu HFC xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021 và kế hoạch 2021 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2021

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Xăng dầu HFC năm 2021

- Doanh thu năm 2020 đạt 1.479 tỷ chỉ bằng 68% năm 2019, tương ứng với đó là lợi nhuận gộp chỉ đạt 89 tỷ tương ứng với 85% của năm 2019. Kết quả lợi nhuận trước thuế lỗ 5,6 tỷ và lỗ sau thuế 8,161 tỷ. Tổng tài sản cuối năm 2020 là 344 tỷ tăng 2% so với năm 2019. Vốn chủ sở hữu là 57,187 tỷ bằng 85% so với năm 2019.
- Năng xuất lao động bình quân năm 2020 là 35.595 lít/ người/ tháng và đạt 91% so với năm 2019. Với tổng sản lượng năm 2020 chỉ đạt 81% kế hoạch tương ứng mức sản lượng là 117.036.906 lít, bằng 87,25% tổng sản lượng năm 2019. Năm 2020 việc nâng cao năng suất lao động, Công ty đã tiết giảm được khoảng 703 triệu đồng, đây là sự nỗ lực rất lớn của Ban điều hành công ty nhằm giảm bớt tác động của dịch bệnh, thiên tai và các chính sách ngành.
- Năm 2020 với những biến động khó lường về cả giá cả, nhu cầu xăng dầu, để giảm thiểu nhất ảnh hưởng từ tình hình dịch bệnh, Ban điều hành công ty đã thực hiện các biện pháp, giải pháp nhằm đảm bảo an toàn hệ thống, an toàn nhân sự cho Công ty.

2. Kết quả thực hiện các định hướng chiến lược đề ra

Thực hiện theo Mục tiêu

- Tiếp tục tập trung tăng trưởng sản lượng bán lẻ trên toàn hệ thống HFC: tỷ trọng bán lẻ năm 2020 là 48% so với năm 2019 là 44%. Việc giữ vững và tăng tỷ trọng bán lẻ đã đảm bảo lợi thế về dòng tiền và chiết khấu giữ lại cao nhất cho công ty.
- Nâng cao năng suất lao động công ty: năm 2020 công ty đã đạt được mức năng suất tương đương nhóm doanh nghiệp đứng đầu ngành xăng dầu. Công tác đào tạo, đánh giá nhân sự được duy trì tác động tích cực tới ý thức cùng như trách nhiệm của người lao động và cũng tạo sự minh bạch trong công tác hoạch định nhân sự của Công ty.
- Triển khai xây dựng hệ thống tự động hóa của riêng HFC, xây dựng hệ thống quản trị số cho khách hàng để có thể đi đầu trong ngành xăng dầu về giao dịch trên nền tảng số với khách hàng: Công ty đã triển khai cũng như thử nghiệm thành công một số công nghệ như sau: Hệ thống bán hàng không dùng tiền mặt/Chương trình khách hàng thẻ nhân/Quản lý kho tự động bằng hệ thống que đo và barem điện tử/ Thử nghiệm hệ thống quản lý khách hàng bằng thẻ từ.
- Tiếp tục xây dựng và duy trì Văn hóa HFC “Trung thực – Trách nhiệm – Tương hỗ”, điều này đã thực sự được ghi nhận trong quá trình cả Công ty cùng đồng lòng vượt qua những khó khăn trong dịch bệnh: các cá nhân, đơn vị luôn sẵn sàng hỗ trợ đồng nghiệp của mình và cùng nhau gìn giữ đảm bảo an toàn.
- Tiếp tục mục tiêu mang đến giá trị căn bản cho nhân viên và đóng góp phúc lợi cho cộng đồng, năm 2020, công ty đã thực hiện đầy đủ quyền lợi cho người lao động theo các chính sách sửa đổi của Bảo hiểm xã hội.

Chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành

- HTQLCL tiếp tục được duy trì theo tiêu chuẩn theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, các quy trình – tài liệu hệ thống liên tục được cải tiến phù hợp với thay đổi của luật định và yêu cầu nội tại.
- Hoàn tất thủ tục thay đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu.
- Sử dụng hiệu quả các thiết bị tự động để kiểm soát hoạt động và hao hụt.
- Công tác quản trị nhân lực được chú trọng thông qua các hoạt động nâng cao năng suất lao động, công tác đánh giá các cấp và đào tạo được thực hiện định kỳ.
- Văn hóa HFC tiếp tục được xây dựng và duy trì trên nền tảng Trung thực – Trách nhiệm – Tương hỗ.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua việc:

- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng trong năm mà Tổng Giám đốc và các thành viên điều hành khác đã cam kết;
- Yêu cầu Tổng Giám đốc và các thành viên điều hành khác thực hiện báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động 6 tháng, 9 tháng trong các cuộc họp, qua email tới Hội đồng quản trị;
- Phối hợp với Ban Kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Tổng Giám đốc và các thành viên điều hành khác hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao;
- Tích cực tham gia vào các buổi họp các buổi họp định kỳ khác của Ban Điều hành nhằm theo sát các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đánh giá chung

- Năm 2020, Ban Điều hành (BDH) công ty cùng với các quản lý cấp trung đã rất nỗ lực trong việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty, điều chỉnh, thay đổi cách thức kinh doanh để phù hợp với những biến động và khó khăn của ngành kinh doanh xăng dầu trong năm qua.
- Hội đồng quản trị đánh giá cao Ban Điều hành trong việc thực hiện định hướng chiến lược của Công ty, bắt nhịp ngày với những thay đổi về chủ trương của chính phủ để có những chính sách và kế hoạch triển khai phù hợp.
- Trong quá trình hoạt động, Ban Điều hành đã tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

1. Về nhân sự:

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xăng dầu HFC nhiệm kỳ 05 năm, có 03 thành viên gồm: trong đó có 02 thành viên Hội đồng quản trị điều hành và 01 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Trọng Hậu	Chủ tịch HĐQT/ Thành viên HĐQT điều hành
2	Ông Nguyễn Phi Thái	Thành viên HĐQT điều hành
3	Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Thành viên HĐQT không điều hành – Miễn nhiệm từ ngày 26/6/2020
4	Ông Trần Bá Hóa	Thành viên HĐQT không điều hành – Bổ nhiệm từ ngày 26/6/2020

2. Về tổ chức các cuộc họp HĐQT và các Nghị quyết, quyết định:

- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.
- Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên tham dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo đúng quy định của Điều lệ.
- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 cuộc họp thường kỳ và các cuộc họp bất thường và ban hành 04 Nghị quyết và các quyết định liên quan đến triển khai nghị quyết đại hội cổ đông năm 2019 về tăng vốn, phát hành trái phiếu và công tác điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh. Các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị đều được thống nhất, đồng thuận 100% của các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Đánh giá chung hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định chung đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, chỉ đạo kịp thời giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã đề ra...

4. Báo cáo thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua:

Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2019 và báo cáo phát hành trái phiếu chuyển đổi ngày 09/4/2020, Công ty đã tiến hành các thủ tục Phát hành cổ phiếu chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi:

Phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu

- + Tên trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC
- + Mã trái phiếu: HFC – TPCD2020
- + Số lượng trái phiếu được chuyển đổi: 174.277 trái phiếu (Một trăm bảy mươi tư

- ngàn hai trăm bảy mươi bảy) trái phiếu.
- + Tỷ lệ chuyển đổi: 1:10 (Tức là 01 trái phiếu chuyển đổi sẽ được chuyển đổi thành 10 cổ phiếu tại thời điểm chuyển đổi).
 - + Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC
 - + Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
 - + Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.742.770 cổ phiếu (*Một triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi*) cổ phiếu.
 - + Giá chuyển đổi: 10.000 đồng/cổ phiếu.
 - + Ngày chuyển đổi: 01/04/2021
 - + Ngày dự kiến chuyển giao cổ phiếu: Sau khi có chấp thuận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi.

Kết quả phát hành cổ phiếu

- + Số cổ phiếu đã phát hành: 1.742.770 cổ phiếu (*Một triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi*) cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành.
- + Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành (ngày 01/04/2021): 8.198.105 (*tám triệu, một trăm chín mươi tám nghìn, một trăm linh năm*) cổ phiếu, trong đó:
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 8.198.105 (*tám triệu, một trăm chín mươi tám nghìn, một trăm linh năm*) cổ phiếu;
- + Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

Công ty đã tiến hành các thủ tục

- + Đăng ký lưu ký: được Trung tâm lưu ký cấp Giấy chứng nhận ngày 06/5/2021
- + Thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: đã thực hiện nộp hồ sơ cho Sở kế hoạch đầu tư Hà Nội và đang chờ kết quả

5. Thù lao và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Căn cứ vào ngân sách thù lao mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã phê duyệt, tình hình chi trả thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong năm 2020 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Trọng Hậu	Chủ tịch	48.000.000	Thành viên

		HĐQT		điều hành
2	Ông Nguyễn Phi Thái	Ủy viên HĐQT	48.000.000	Thành viên điều hành
3	Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Ủy viên HĐQT	24.000.000	Thành viên không điều hành
T 4 h	Ông Trần Bá Hóa	Ủy viên HĐQT	24.000.000	Thành viên không điều hành
ù	Tổng cộng		144.000.000	

Thù lao của các thành viên HĐQT tham gia điều hành và Tổng Giám đốc được chi trả đúng theo quy định của pháp luật và quy chế lương hiện hành của công ty.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

1. Mục tiêu

- Tiếp tục tập trung tăng trưởng sản lượng bán lẻ trên toàn hệ thống HFC
- Cơ cấu lại nguồn nhân lực nhằm tăng cường tư duy, động lực và tăng năng suất lao động.
- Tái cơ cấu các công ty con nhằm để giảm thiểu những ảnh hưởng bởi quy định không có lợi cho Công ty.
- Xây dựng Văn hóa HFC, với chủ đề 2021 “Đoàn kết – Kỷ cương – Đương đầu thử thách” với 12 giá trị văn hóa Minh bạch, Công bằng, Tương trợ, Kết nối – Nghĩa đúng, Làm đúng, Trách nhiệm, Cam kết – Tri thức, Công nghệ, Vượt khó, Thống nhất, trong đó chú trọng công tác đào tạo tư duy, nhận thức, năng lực của cá nhân, cách thức kết nối thông tin nội bộ, xây dựng hệ thống công nghệ phù hợp để sức mạnh văn hóa nội tại sẽ giúp doanh nghiệp thực hiện kế hoạch và đón nhận, vượt qua sự thay đổi chung của xã hội, cũng như thay đổi về ngành.

2. Định hướng thực hiện

2.1. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2020	%KH/TH
1	Sản lượng	1.000 lít	133.286	117.037	114%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.920	1.480	130%
3	Lợi nhuận trước thuế từ HĐSXKD	Tỷ đồng	9,57	(5.615)	
4	Năng suất lao động	m3/người/tháng	40,537	35,595	114%
5	Cổ tức		5%	0%	

2.2. Tập chung chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành

- Đảm bảo hệ thống pháp lý cho hoạt động của hệ thống cửa hàng xăng dầu toàn công ty:
 - + Tăng trưởng tỷ trọng bán lẻ/ Tổng sản lượng bán hàng nhằm đảm bảo tính ổn định về dòng tiền và lợi thế thương mại của công ty.
 - + Nâng cao năng suất lao động và chất lượng dịch vụ bán hàng.
 - + Tăng cường quản trị số vào hoạt động bán lẻ.
 - + Cơ cấu lại nguồn mua với mục đích đảm bảo an toàn chất lượng hàng hóa và sản lượng bán hàng
- Duy trì và nâng cao chất lượng môi trường làm việc và các quyền lợi khác cho nhân viên, đảm bảo lợi nhuận cam kết với nhà đầu tư và đóng góp phúc lợi cho cộng đồng.
- Tái cơ cấu hoạt động kinh doanh ngoài xăng dầu đảm bảo tăng tính hiệu quả đầu tư và bám sát ngành nghề cốt lõi cũng như hạn chế ảnh hưởng bởi các yếu tố bên ngoài.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xăng dầu HFC trong năm 2020 và kế hoạch 2021, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

NGUYỄN TRỌNG HẬU

Số: 34/2021/BC/HFC-HĐQT

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2021

BÁO CÁO

CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Kính thưa toàn thể Quý cổ đông,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm Soát được quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty CP Xăng dầu HFC;
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty CP Xăng dầu HFC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam.

Ban Kiểm Soát xin báo cáo trước Đại hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2020 về kết quả thẩm tra niên độ tài chính 2020 với các nội dung chính như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2020

1. Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2020 của Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2020 theo các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2020.
2. Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Điều hành.
3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính của Công ty năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam.
4. Thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2020

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Nguyễn Công Lương	Trưởng BKS	24.000.000
2	Cần Duy Hưng	Thành viên BKS	24.000.000
3	Nguyễn Công Mạnh Hùng	Thành viên BKS	24.000.000
	Tổng cộng		72.000.000

II. Kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban Kiểm Soát

1. Về tình hình tài chính, kế toán của Công ty.

Qua số liệu được kiểm toán do Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam thực hiện, Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán, kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

Ban Kiểm Soát xác nhận các số liệu trong báo cáo tài chính được đưa ra trình Đại hội đồng cổ đông là thể hiện trung thực tình hình kế toán tài chính hiện tại của Công ty và các công ty liên quan. Những số liệu chính về tình hình tài chính hợp nhất đến 31/12/2020:

Một số thông tin trong báo cáo tài chính

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu tài chính	31/12/2020	31/12/2019	Tỷ lệ
I. Tổng tài sản	344.13	336.07	102.40%
1. Tài sản ngắn hạn	240.21	222.05	108.18%
2. Tài sản dài hạn	103.92	114.03	91.14%
II. Tổng nguồn vốn	344.13	336.07	102.40%
1. Nợ phải trả	286.94	268.43	106.90%
- Nợ ngắn hạn	263.78	261.25	100.97%
2. Vốn chủ sở hữu	57.19	67.64	84.54%

Với số liệu như trên, BKS có nhận xét như sau:

- Tổng tài sản, tổng nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 344.13 tỷ đồng, tăng trên 2% (tương đương khoảng 8 tỷ đồng) so với năm 2019, nguyên nhân chính là do trong năm Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi.
- Chênh lệch giữa nợ ngắn hạn và tài sản ngắn hạn năm 2020 là 23.5 tỷ và năm 2019 là 39,2 tỷ, do vay ngắn hạn đầu tư cho dài hạn, đây là điểm mất cân đối về cơ cấu của nguồn vốn và tài sản
- Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 57.619 tỷ đồng, giảm 15.45% (tương đương khoảng 10 tỷ đồng) so với năm 2019, nguyên nhân chính là năm 2020 Công ty có kết quả kinh doanh lỗ.

Qua báo cáo tài chính của công ty ban kiểm soát đưa một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH)	Lần	0.91	0.85
Hệ số thanh toán nhanh ((=TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	0.87	0.78
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0.83	0.80
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	5.02	3.97
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (= Giá VHB/hàng tồn kho bq)	Lần	103.66	133.69
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	4.35	6.36
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	- 0.6%	0.23%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	- 14.3%	7.54%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng Tài sản	%	- 2.4%	1.52%

Với các chỉ tiêu trên Ban Kiểm Soát có nhận xét như sau:

- Chỉ số về khả năng thanh toán năm 2020 và năm 2019 với hệ số là 0.91 và 0.8, với chỉ số thanh toán năm 2020 tốt hơn hai năm 2019 do trong năm 2020 Công ty có dòng tiền về do phát hành trái phiếu nhưng hệ số này vẫn nhỏ hơn 1 và có thể gặp vẫn gặp rủi ro về việc đảm bảo thanh toán.
- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn hệ số nợ trên vốn chủ năm 2020 là 5.02 và năm 2019 là 3.97. Hệ số năm 2020 cao hơn 2019 là do Công ty có phát hành trái phiếu chuyển đổi dẫn tới hệ số nợ trên vốn chủ tăng cao.
- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động. Với vòng quay hàng tồn kho năm 2020 kém hơn năm 2019, năm 2020 là 103 vòng, 2019 là 133 vòng, nguyên nhân chính về phần này do năm 2020 ảnh hưởng của dịch bệnh, nhu cầu về sử dụng mặt hàng xăng dầu ít, có những tháng là điểm giãn cách xã hội sản lượng bán thấp chỉ bằng khoảng 40% so với năm 2019 dẫn tới vòng quay về hàng tồn kho thấp, một phần nguyên nhân nữa là do công ty áp dụng chính sách kiểm soát nợ đối với khách hàng bán hàng có cấp hạn mức nợ.

- Năm 2020 là năm ảnh hưởng bệnh Covid dẫn đến Công ty bị giảm sản lượng bán hàng đồng nghĩa với doanh thu bán hàng Công ty giảm và chỉ bằng khoảng 70% so với năm 2019, đây là nguyên nhân chính dẫn tới các chỉ số về hiệu quả kinh doanh năm 2020 đều kém và kết quả kinh doanh lỗ.

2. Về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

- Năm 2020, Ban Kiểm Soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.
- Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.
- Công ty đã hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3. Về công tác quản trị và điều hành

a. Hội đồng quản trị (HĐQT):

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.
- HĐQT đã thực hiện hợp lệ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên đã đề ra.
- Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

b. Ban Điều hành

- Ban Kiểm Soát nhận thấy rằng Ban Điều hành đã thực hiện và tuân thủ đúng pháp luật và các nghị quyết của HĐQT

III. Kết luận và kiến nghị

- Các hoạt động của Công ty trong năm qua tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HĐQT. Hoạt động công bố thông tin của Công ty cũng tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho doanh nghiệp niêm yết.
- Năm 2021, Ban Kiểm Soát kiến nghị Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty như sau:
 - Với hệ số nợ trên vốn chủ 5.2 là cao và rủi ro cho Công ty, vì vậy Công ty cần phải tập trung cho việc quản trị công nợ để thu hồi nợ để giảm hệ xuống về mức an toàn.
 - Xây dựng chính sách bán hàng đảm bảo an toàn vốn cho công ty và linh hoạt hơn.
 - Cơ cấu lại nguồn vốn để đảm bảo an toàn dòng tiền cho hoạt động của Công ty.

Trên đây là toàn bộ báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát cho năm tài chính 2020.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

NGUYỄN CÔNG LƯƠNG

Ghi chú: Tài liệu này có thể được sửa đổi, bổ sung thích hợp và trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định tại Đại hội

Số: 35.2/2021/TTr/HFC-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**Về việc Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC****Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC;
- Báo cáo tài chính năm 2020 của CTCP Xăng dầu HFC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2020, Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam thực hiện kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2020. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam, ký ngày 26/03/2021.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.**Nơi nhận:**

- Cổ đông CTCP Xăng dầu HFC;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN****Nguyễn Công Lương**

Số: 35.3/2021/TTr/HFC-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, tỷ lệ chia cổ tức năm 2020 và dự kiến Phương án phân phối lợi nhuận, tỷ lệ chia cổ tức năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC;
- Báo cáo tài chính năm 2020 của CTCP Xăng dầu HFC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam;
- Kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua nội dung sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2020:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ %	Năm 2020 (ĐVT: VNĐ)
1. Lợi nhuận trước thuế 2020		(5.615.122.863)
2. Chia lãi liên doanh liên kết		2.910.000.000
3. Thuế TNDN phải nộp 2020		2.429.506.570
<i>Thuế TNDN hoãn lại</i>		<i>115.918.072</i>
4. Lợi nhuận sau thuế 2020		(11.070.547.505)
5. Lợi nhuận để lại từ các năm trước		2.627.647.230
6. Tăng khác (thuế hoãn lãi)		616.321.842
7. Dự kiến nguồn chia cổ tức (4+5+6)		(7.826.578.433)

Đề nghị chia cổ tức	0%	
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		(70.174.616)
9. Lợi nhuận chuyển năm sau		(7.756.993.557)

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc không chi trả cổ tức và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện.

II. ĐỀ XUẤT NĂM 2021.

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC, HĐQT đề xuất trích thưởng và mức trả cổ tức cho năm 2021 như sau:

Tỷ lệ dự kiến chi trả cổ tức: **5%/Vốn điều lệ**

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Xăng dầu HFC;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Hậu

Số: 35.4/2021/TTr/HFC-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc *Thông qua thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC;
- Báo cáo tài chính năm 2020 của CTCP Xăng dầu HFC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam;
- Kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Để đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) và Ban Kiểm soát (“BKS”) trong việc triển khai nhiệm vụ được giao, căn cứ vào Kế hoạch SXKD của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC năm 2021 và các quy định của Nhà nước, Công ty xin báo cáo tổng mức thù lao của HĐQT và BKS trong năm 2020:

❖ **Tổng mức thù lao:**

Tổng mức thù lao	Báo cáo mức thù lao năm 2020
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	222.000.000 đồng

Các quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế của Công ty.

❖ **Dự kiến mức thù lao trong năm 2021**

Tổng mức thù lao	Dự kiến mức thù lao năm 2021
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	932.000.000 đồng

Tổng mức thù lao năm 2021 bao gồm lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách được xây dựng theo thang bảng lương và phụ cấp của các thành viên HĐQT, các thành viên Ban kiểm soát không tham gia điều hành cùng Người phụ trách quản trị công ty. Tổng mức thù lao chiếm tỷ lệ 2% trên tổng quỹ lương của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Xăng dầu HFC;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trọng Hậu

Số: 35.5/2021/TTTr/HFC-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc Thông qua hợp đồng với người liên quan

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC;
- Căn cứ Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Căn cứ thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty CP Xăng dầu HFC với nhà cung cấp đầu mối là Công ty Xăng dầu Khu vực I – Công ty TNHH Một thành viên, Hội đồng Quản trị Công ty CP Xăng dầu HFC kính trình Đại hội ủy quyền cho HĐQT Công ty được thông qua các hợp đồng mua, bán, đầu tư, hợp tác kinh doanh với Công ty Xăng dầu Khu vực I – Công ty TNHH Một thành viên với tổng trị giá các hợp đồng lớn hơn 20% tổng tài sản của Công ty CP Xăng dầu HFC.

HĐQT Công ty xin cam kết chịu mọi trách nhiệm pháp lý trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về tính tuân thủ pháp luật của các hợp đồng này.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Xăng dầu HFC;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trọng Hậu

Số: 35.6/2021/TTr/HFC-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC;
- Yêu cầu lựa chọn Công ty kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2021.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC kính trình Đại hội đồng cổ đông 2021 xem xét thông qua nội dung sau:

Để đảm bảo chủ động cho việc lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, đáp ứng yêu cầu của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC về thời gian thực hiện và chất lượng dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính trong năm tài chính 2021, Trưởng Ban kiểm soát đại diện Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Lựa chọn công ty kiểm toán: Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 và soát xét các báo cáo tài chính quý, bán niên (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Xăng dầu HFC;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Công Lương

Số: 35.7/2021/TTr/HFC-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty như sau:**1. Vốn điều lệ công ty:**

Cập nhật số vốn điều lệ tăng lên: 81.981.050.000 đồng do Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019.

2. Nội dung sửa đổi bổ sung theo Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán

Ngày 17/06/2020, Quốc hội đã ban hành Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021. Cùng với Luật Chứng khoán 2019 cũng bắt đầu có hiệu lực từ 01/01/2021, Luật Doanh nghiệp 2020 đã tạo nên khung hành lang pháp lý chặt chẽ hơn, có nhiều điểm mới về khuôn khổ quản trị công ty, đặc biệt là đối với công ty đại chúng.

Trên cơ sở rà soát Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Điều lệ này cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành. Nội dung chi tiết các điểm sửa chữa, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

Các quy định của Điều lệ được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động theo các nội dung sửa đổi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Xăng dầu HFC;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trọng Hậu

Ghi chú: Tài liệu này có thể được sửa đổi, bổ sung thích hợp và trình ĐHDCĐ xem xét, quyết định tại Đại hội

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số...../NQ/ĐHDCĐ ngày...tháng...năm 2021 của Đại hội đồng
cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC)*

HÀ NỘI – THÁNG.../2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.6	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	9
Điều 6. Nguyên tắc hoạt động	9
Điều 7. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty.....	9
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	9
Điều 8. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	9
Điều 9. Chứng nhận Cổ phiếu	10
Điều 10. Sổ đăng ký cổ đông – Chứng nhận sở hữu cổ phần	11
Điều 11. Chứng chỉ chứng khoán khác	11
Điều 12. Chào bán cổ phần	11
Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần.....	12
Điều 14. Thu hồi cổ phần	12
Điều 15. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.....	13
Điều 16. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	13
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	14
Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	14
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	14
Điều 18. Quyền của cổ đông	14
Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông	16
Điều 20. Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 22. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 23. Thay đổi các quyền.....	20
Điều 24. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 26. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	22

Điều 27. Điều kiện đề nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	24
Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 29. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 31. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông	28
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	29
Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 34. Cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 35. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	31
Điều 36. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	32
Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị	33
Điều 38. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	33
Điều 39. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	36
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC, THƯ KÝ CÔNG TY VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	36
Điều 40. Tổ chức bộ máy quản lý	36
Điều 41. Trách nhiệm của người điều hành công ty	36
Điều 42. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	37
Điều 43. Thư ký Công ty.....	38
Điều 44. Người phụ trách quản trị công ty.....	38
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	39
Điều 45. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	39
Điều 46. Thành phần Ban Kiểm soát	39
Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	40
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	41
Điều 48. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan.....	41
Điều 49. Trách nhiệm cạnh tranh.....	42
Điều 50. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	42
Điều 51. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	43
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	44
Điều 52. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	44
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	44
Điều 53. Công nhân viên và công đoàn	44

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	45
Điều 54. Phân phối lợi nhuận.....	45
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	45
Điều 55. Tài khoản ngân hàng	45
Điều 56. Năm tài chính	45
Điều 57. Chế độ kế toán.....	46
Điều 58. Kiểm toán	46
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	46
Điều 59. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	46
Điều 60. Báo cáo thường niên.....	47
CHƯƠNG XVI. TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	47
Điều 61. Nghĩa vụ Công bố thông tin	47
Điều 62. Người công bố thông tin.....	47
CHƯƠNG XVII. CON DẤU	47
Điều 63. Dấu của doanh nghiệp	47
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN.....	48
Điều 64. Chấm dứt hoạt động	48
Điều 65. Thanh lý.....	48
Điều 66. Phá sản.....	49
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	49
Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ	49
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	49
Điều 68. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	49
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	50
Điều 69. Ngày hiệu lực	50

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (dưới đây gọi là "Công ty"), là cơ sở pháp lý cho Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa IX thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa IX thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc việc tiến hành các hoạt động của Công ty.

Điều lệ này được Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày vào ngày 25 tháng 06 năm 2021.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Công ty" được quy định trong Điều lệ này là Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC;
 - b. "Cổ đông sáng lập" có nghĩa là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - c. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ công ty;
 - d. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 - e. "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - f. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - g. "Người quản lý công ty" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ.
 - h. "Người điều hành" có nghĩa là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ này;
 - i. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Luật chứng khoán;
 - j. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.
 - k. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - l. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - m. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - n. "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
 - o. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC
 - Tên tiếng Anh : HFC PETROLEUM CORPORATION
 - Tên giao dịch : HFC PETROLEUM CORPORATION
 - Tên viết tắt : HFC., CORP
2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ : Tầng F3, tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 - Điện thoại : 024 3978 0731
 - Fax : 024 3978 2341
 - Email : hfc@hanoifuel.com.vn
 - Website : www.hanoifuel.com.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 64 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Người đại diện pháp luật của Công ty đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách là người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

STT	Mã ngành	Tên ngành
1	4661 (Chính)	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan - Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan: Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa; Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;
2	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
3	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
4	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
5	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác - Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống): săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác. Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
6	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
7	4932	Vận tải hành khách đường bộ khác - Chi tiết: Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
8	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
9	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Chi tiết: Cho thuê nhà làm văn phòng;
10	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động - Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)

11	5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)
12	5629	Dịch vụ ăn uống khác
13	5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống
14	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự;
15	9311	Hoạt động của các cơ sở thể thao
16	4730	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh
17	9312	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao
18	9319	Hoạt động thể thao khác
19	9321	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
20	9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
21	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
22	4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
23	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
24	4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
25	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
26	4632	Bán buôn thực phẩm
27	4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
28	4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
29	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
30	6622	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm: Chi tiết: Đại lý bảo hiểm; Môi giới bảo hiểm (Điều 84, Điều 89 Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000)

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực nêu tại điểm 1 Điều này và các ngành nghề khác phù hợp với Luật doanh nghiệp nhằm tối đa các nguồn lợi nhuận của Công ty, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông. Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty. Thực hiện nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

1. Công ty Cổ phần xăng dầu HFC tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần xăng dầu HFC là Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm, bãi nhiệm.
4. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê theo đề xuất của Hội đồng quản trị, là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
5. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm.

Điều 7. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 8. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty được quy định chi tiết trong Phụ lục 01 đính kèm Điều lệ này. Quy định về vốn điều lệ trong Phụ lục 01 được tự động điều chỉnh khi phát hành các cổ phần mới được phép phát hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được chi tiết tại Phụ lục 01 đi kèm Điều lệ này.
2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật, kể cả trường hợp cơ cấu lại nợ theo hình thức chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa Công ty và chủ nợ và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; hoặc phát hành cổ phiếu để hoán đổi nhằm hợp nhất, sáp nhập. Trong trường hợp đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành trái phiếu, tại thời điểm người nắm giữ các trái phiếu trên thực hiện quyền chuyển đổi và/hoặc quyền đặt mua theo qui định của phương án phát hành đã được phê duyệt, vốn điều lệ của Công ty sẽ được tăng lên tương ứng với số cổ phần đã được chuyển đổi và đặt mua và Công ty sẽ phát hành cho những người nắm giữ trái phiếu và/hoặc chứng quyền đã thực hiện quyền như trên một số cổ phần mới tương ứng theo

qui định của phương án phát hành đã được phê duyệt.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 18 và Điều 19 Điều lệ này.
4. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương pháp đấu giá.
5. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 9. Chứng nhận Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó.
3. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
5. Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần được cấp giấy chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
6. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó và phải trả phí theo quy định của Công ty. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:
 - a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;
 - b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu (10.000.000) Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng

dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 10. Sổ đăng ký cổ đông – Chứng nhận sở hữu cổ phần

(Theo Điều 122 của Luật Doanh Nghiệp)

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Họ, Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung thông tin về mình trong sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.
4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.
5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.
6. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận sở hữu cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Chứng nhận sở hữu cổ phần phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền.

Điều 11. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty sẽ được phát hành khi có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 12. Chào bán cổ phần

(Theo Điều 123 của Luật Doanh nghiệp)

1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.
2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức sau đây:
 - a. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;
 - b. Chào bán cổ phần riêng lẻ;
 - c. Chào bán cổ phần ra công chúng.

3. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty đại chúng và tổ chức khác thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần

(Theo Điều 127 của Luật Doanh nghiệp)

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật doanh nghiệp này và Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.
2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của công ty.
4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.
6. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.
7. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 14. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao

nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 113 Luật Doanh nghiệp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất huy động mười hai (12) tháng của Ngân hàng Nhà nước quy định vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 15. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

(Theo Điều 132 của Luật Doanh nghiệp)

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 16. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

(Theo Điều 133 của Luật Doanh nghiệp)

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị

trường;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:
 - a. Quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho công ty;
 - b. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 18. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Quyền của cổ đông phổ thông (**Theo Điều 115 Luật Doanh nghiệp**)
Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mọi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền sau đây:
- a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Quyền khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
- a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
5. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền..
6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
7. Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông

(Theo Điều 119 của Luật Doanh Nghiệp)

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và quy chế quản lý nội bộ của công ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật hiện hành và Điều lệ công ty.

Điều 20. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông

thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị tổ chức, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, từ chối, trái ngược, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông của công ty để giải trình các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo năm được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày (60 ngày), kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);
 - d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản trong đó mỗi bản phải có chữ ký tối thiểu của một cổ đông có liên quan;
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này.
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không triệu tập họp

Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu tổ chức Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

(Theo Điều 138 của Luật Doanh Nghiệp)

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

(Theo Điều 139 của Luật Doanh nghiệp)

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- b. Báo cáo tài chính hằng năm;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa cho ba (03) người đại diện theo ủy quyền, cổ đông là cá nhân ủy quyền cho một (01) người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông công ty không xác định số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần và số phiếu bầu sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi

dân sự;

- b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 23. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 24. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10 ngày) trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù

- hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
- b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - d. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - e. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - f. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - g. Dự thảo nghị quyết của Đại hội cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - h. Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử;
 - i. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc mà cổ đông đã đăng ký đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của công ty và phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán nhà nước (đối với công ty niêm yết, đăng ký giao dịch). Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp hoặc được thống nhất bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông nếu tỷ lệ tán thành tối thiểu là 65% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung theo quy định tại Khoản 4 Điều này;

- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông;
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;
 Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

(Theo Điều 145 của Luật Doanh nghiệp)

- 1. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có phiếu biểu quyết.
- 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là cổ đông và những người đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập cuộc họp có quyền huỷ cuộc họp, thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- 4. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Ủy quyền cho cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

- 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp tham gia đăng ký hết.
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có) trên

đó ghi số đăng ký, số phiếu biểu quyết của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được kiểm trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được kiểm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

- b. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Trong trường hợp này, Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các nội dung biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
 - a. Yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự

- kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả các người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho cổ đông dự họp tham gia thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
 7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
 8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định 155/NĐ-CP.

Điều 27. Điều kiện để nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Định hướng phát triển công ty;
 - c. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
3. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này, nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
- f. Việc đề xuất nội dung vào chương trình họp tại Đại hội đồng cổ đông của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu bầu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 5 và khoản 7 Điều này.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trình tự, thủ tục bầu đối với thành viên Hội đồng quản trị được quy định trong Quy chế bầu cử tại mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty. Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.

6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết của Đại hội

đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải gửi và công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 143 Luật Doanh nghiệp.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý (Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực hợp pháp khác) của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm toán nội bộ hoặc thư ký công ty hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

- 6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy

định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp và tất cả các phụ lục đính kèm khác (nếu có) và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Trình tự, thủ tục ra nghị quyết và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 31. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 30 Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có

hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được công ty quy định tại Quy chế quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập

Hội đồng quản trị không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức, kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, chứng khoán và lĩnh kinh doanh của công ty; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 34. Cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên không nắm giữ một vị trí điều hành nào trong Công ty, tức là không đồng thời là thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên có các tiêu chuẩn và điều kiện khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp

5. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
6. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

7. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này.
8. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
9. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 35. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

(Theo Điều 153 của Luật Doanh nghiệp)

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người

- quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
 - p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị được quy định theo Điều 159 của Luật doanh nghiệp

- 5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.
- 6. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.
- 7. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 36. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

(Theo Điều 163 của Luật Doanh nghiệp)

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

được trả theo quy định sau đây:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.
Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
- c. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Điều 156 của Luật Doanh nghiệp)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- b. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - a. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 38. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

(Điều 157 của Luật Doanh nghiệp)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong

thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
13. Biểu quyết:
- a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này tham dự với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu tham dự để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
 - c. Theo quy định tại điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị liên quan, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 48 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
4. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

5. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
6. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
7. Biên bản họp Hội đồng quản trị được quy định theo Điều 158 của Luật doanh nghiệp

Điều 39. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Các tiểu ban này phụ trách về các vấn đề liên quan đến chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng đảm bảo tối thiểu ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC, THƯ KÝ CÔNG TY VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 40. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

Công ty có một Tổng Giám đốc và một hoặc một số Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 41. Trách nhiệm của người điều hành công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 42. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

(Theo Điều 162 của Luật Doanh nghiệp)

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành là theo quyết định của Hội đồng quản trị nhưng không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.
4. Tổng Giám đốc có những quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.
6. Tổng Giám đốc có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo qui định tại khoản 3 điều này;
- b. Có đơn xin từ chức;
- c. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 43. Thư ký Công ty

(Khoản 5 Điều 156 của Luật doanh nghiệp)

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- b. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 44. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ công ty.

Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, một nhiệm kỳ là năm (05) năm và Người phụ trách quản trị công ty có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty;
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 45. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 32 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 46. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng kiểm soát viên của Công ty là ba (03) thành viên, các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
4. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
5. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

6. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;
 - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - f. Ban hành Quy chế hoạt động Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - g. Được cung cấp thông tin theo Điều 171 của Luật Doanh nghiệp
 - h. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một

cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 48. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan

(Theo Điều 167 của Luật Doanh nghiệp)

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:
 - a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:
 - a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới

bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 49. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 50. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ – công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính

gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

- b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện;
7. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
 8. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 51. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hình sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty (hay Công ty con của Công ty), hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép, với điều kiện là người đó hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu

trên.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 52. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp các biên bản, nghị quyết đó. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ tài liệu nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ công ty phải được công bố trên website của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 53. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của

Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

3. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội khác hoạt động theo quy định của Pháp luật và điều lệ của các tổ chức đó.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 54. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 55. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 56. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 của năm đó.

Điều 57. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán – thống kê.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 58. Kiểm toán

1. Công ty kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua một danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các công ty này để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thảo thuận với Hội đồng quản trị. Trong cùng năm tài chính, công ty không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 59. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 61 Điều lệ này. Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Pháp luật hiện hành.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty

tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu (06) tháng đã soát xét theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho Cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 60. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 61. Nghĩa vụ Công bố thông tin

1. Công ty phải thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác.
2. Công ty thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện sau:
 - Trang thông tin điện tử (Website) của công ty: www.hanoifuel.com.vn
 - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước; các Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán;
 - Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.
3. Nội dung công bố thông tin
 - a. Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, gồm:
 - Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và các báo cáo khác theo quy định của pháp luật;
 - Công bố thông tin bất thường khi có phát sinh các sự kiện thuộc diện phải công bố thông tin bất thường theo quy định của pháp luật;
 - Công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.
 - Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình quản trị công ty, báo cáo thường niên theo quy định Pháp luật.

Điều 62. Người công bố thông tin

Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo Pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của công ty thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do người được ủy quyền công bố.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 63. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy

định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng Quản trị quyết định về số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN

Điều 64. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Khi các cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc qua ủy quyền biểu quyết giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của Công ty;
 - c. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 65. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 66. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành hay người điều hành khác,

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.
4. Trường hợp bế tắc trong giải quyết tranh chấp giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông dẫn tới việc Công ty không thể tiếp tục hoạt động, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:
 - a. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
 - b. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
 - c. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 68. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 69. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 69 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xăng dầu HFC nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2021.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Điều lệ này được lập thành(...) bản, có giá trị như nhau.
5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

PHỤ LỤC 01

CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẾN NAY VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP TẠI NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY

1. Chi tiết vốn điều lệ Công ty

STT	THÁNG	VỐN ĐIỀU LỆ	GHI CHÚ

2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các Cổ đông Sáng lập vào ngày thành lập Công ty

TT	Tên Tổ chức/Cá nhân	Địa chỉ thường trú	Số CMND/HC – ĐKKD	Tổng số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (tại thời điểm thành lập)
1					
1.1					
1.2					
2					

Số: 35.8/2021/TTr/HFC-HĐQT

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc ban hành Quy chế quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị như sau:

Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán quy định

- Khoản 2 Điều 270: Quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế quản trị công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Khoản 4 Điều 278: Hội đồng quản trị có trách nhiệm Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế mẫu ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Hội đồng quản trị đã xây dựng bản Dự thảo Quy chế quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị. Nội dung toàn văn dự thảo quy chế này công bố được đính kèm theo các phụ lục đính kèm tờ trình này.

Các quy định tại các Quy chế này sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị ký ban hành các quy chế nêu trên theo các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Xăng dầu HFC;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trọng Hậu

Ghi chú: Tài liệu này có thể được sửa đổi, bổ sung thích hợp và trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định tại Đại hội

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC



QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số...../NQ/DHĐCD ngày...tháng...năm 2021 của Đại hội
đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC)*

HÀ NỘI, THÁNG....., 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh.....	3
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	3
Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty	4
CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	4
Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông lớn.....	5
Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.....	5
Điều 7. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập.....	8
Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	8
Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	9
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	9
Điều 10. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 11. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị	10
Điều 12. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	11
Điều 13. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	11
Điều 14. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	11
Điều 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 16. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	12
Điều 17. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	13
Điều 18. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị	14
Điều 19. Thù lao của Hội đồng quản trị.....	14
Điều 21. Người phụ trách quản trị công ty.....	15
CHƯƠNG IV - BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN.....	15
Điều 22. Ứng cử, đề cử kiểm soát viên.....	15
Điều 23. Tư cách kiểm soát viên.....	15
Điều 24. Thành phần Ban kiểm soát	15
Điều 25. Quyền của kiểm soát viên.....	15
Điều 26. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	16
Điều 27. Cuộc họp của Ban kiểm soát	16

Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Điều 28. Thù lao của Ban kiểm soát	16
CHƯƠNG V: BAN ĐIỀU HÀNH.....	16
Điều 29. Thành phần và thẩm quyền của Ban điều hành	16
Điều 30. Thẩm quyền của thành viên Ban điều hành.....	16
Điều 31. Thành lập, bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với thành viên Ban điều hành.....	17
CHƯƠNG VI: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	17
Điều 32. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác.....	17
Điều 33. Giao dịch với các bên có liên quan.....	17
Điều 34. Giao dịch với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và người có liên quan Công ty khi tiến hành giao dịch với các bên có liên quan phải thực hiện theo nguyên tắc sau:	18
Điều 35. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty	18
CHƯƠNG VII: ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	19
Điều 36. Đào tạo về quản trị công ty.....	19
CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH. 19	
Điều 37. Nguyên tắc phối hợp	19
Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành	19
CHƯƠNG IX - BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	19
Điều 39. Nghĩa vụ công bố thông tin	19
Điều 40. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty	20
Điều 41. Công bố thông tin về quản trị công ty	20
Điều 42. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của Công ty	20
Điều 43. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	20
Điều 44. Tổ chức công bố thông tin.....	20
Điều 45. Giám sát.....	21
Điều 46. Xử lý vi phạm.....	21
CHƯƠNG XI - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	21
Điều 47. Sửa đổi bổ sung	21
Điều 48. Hiệu lực thi hành	21

CĂN CỨ:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty Đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số..../.../NQ-ĐHĐCĐ ngày....tháng....năm 2021.
Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Xăng dầu HFC
Quy chế nội bộ về quản trị công ty Cổ phần Xăng dầu HFC bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế quản trị công ty: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan..

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ Công ty thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng tương tự trong Quy chế này. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Công ty” là Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC;
 - b. “Quản trị Công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đối với công ty và cổ đông;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;

- Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị của Công ty;
 - Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;
 - Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế quản trị công ty. Quy chế quản trị công ty không được trái với các nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị công ty. Quy chế quản trị được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty. Quy chế quản trị công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;
- b. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị;
- d. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành;
- e. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- f. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc;
- g. Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
- h. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.

Ngoài ra, Quy chế quản trị công ty dẫn chiếu đến một số quy định trong Điều lệ công ty; các quy chế, quy trình quản trị nội bộ của Công ty: Quy định về Kiểm toán nội bộ; Quy định quản trị rủi ro; Quy trình kiểm soát nội bộ; Quyết định phân cấp thẩm quyền tài chính; Quy chế quản trị các đơn vị thành viên.

CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

- 1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là:
 - a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- b. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của công ty;
 - d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết theo các hình thức được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong công ty.
2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông lớn

- 1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác.
- 2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

- 1. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được tổ chức mỗi năm một (01) lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
 - b. Thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Khoản 4 Điều 20 Điều lệ Công ty.
 - c. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty.
 - d. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông (nếu có).

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 24 Điều lệ Công ty. Trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến và/ hoặc bỏ phiếu điện tử, thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

5. Chương trình, nội dung Đại hội

- a. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
- b. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 24 Điều lệ Công ty.

6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm đăng ký tham dự theo cách thức đã ghi trong thông báo. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

8. Thể thức tiến hành và họp biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

a. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.

b. Cách thức bỏ phiếu:

Cổ đông có thể lựa chọn biểu quyết, bầu cử bằng cách giơ thẻ biểu quyết, bỏ phiếu trực tiếp vào hòm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông; hoặc biểu quyết, bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử. Cách thức bỏ phiếu sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

c. Cách thức kiểm phiếu

Khi tiến hành biểu quyết theo hình thức giơ thẻ biểu quyết tại đại hội, số thẻ “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được đếm riêng. Tổng số ý kiến “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” theo từng vấn đề được Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.

Khi tiến hành biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp biểu quyết bằng cách đánh dấu vào phiếu biểu quyết được phát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và bỏ vào thùng phiếu được niêm phong đặt tại phòng họp để ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết hợp lệ và đã có chữ ký của Cổ đông là bằng chứng xác nhận ý kiến biểu quyết của Cổ đông về vấn đề được nêu trong phiếu.

Khi cổ đông thực hiện biểu quyết, bầu cử trực tuyến số phiếu bầu của mỗi ứng viên đều được ghi nhận trên hệ thống theo: số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không có ý kiến. Trong trường hợp phát sinh các nội dung ngoài chương trình đại hội đã gửi cho cổ đông, cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bỏ sung. Nếu cổ đông không biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh thì phiếu biểu quyết, bầu cử của cổ đông được xem như không có ý kiến đối với những nội dung này.

Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử; biểu quyết, bầu cử bỏ sung những nội dung phát sinh, hệ thống trực tuyến chỉ sử dụng kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc việc biểu quyết, bầu cử.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, đại hội sẽ chỉ định một (01) hoặc một số cổ đông không có lợi ích liên quan đến nội dung biểu quyết, bầu cử thực hiện giám sát việc kiểm phiếu.

d. Thông báo kết quả kiểm phiếu.

Kết quả kiểm phiếu được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu.

9. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện đề nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.

10. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông

a. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ

phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

- b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản a Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

11. Hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.

12. Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty.

13. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tuân thủ quy định Công bố thông tin của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

14. Công ty tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của công ty. Công ty không hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc uỷ quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

15. Công ty quy định trong Điều lệ công ty các nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, công ty phải đảm bảo gửi, công bố đầy đủ tài liệu và đảm bảo thời gian hợp lý cho các cổ đông xem xét tài liệu trước khi gửi phiếu biểu quyết như trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập

Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên

quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

4. Trường hợp Cổ phiếu Công ty niêm yết trên Sàn Giao dịch chứng khoán, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải thực hiện báo cáo hoạt động của thành viên hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.
5. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).
6. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc.
7. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.
8. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng kiểm soát viên;
- b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
- c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
- d. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;
- e. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 32 Điều lệ Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Điều lệ Công ty. Cụ thể, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Cách thức giới thiệu thêm ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị công ty. Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức dồn phiếu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 6 Điều 34 Điều lệ Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 8 Điều 34 của Điều lệ công ty

Trừ các trường hợp trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch kể từ khi có sự thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

7. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- b. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 11. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.
2. Công ty cần hạn chế thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong bộ máy điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty đại chúng khác.

Điều 12. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

- Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty.
- Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, chứng khoán và các hoạt động kinh doanh của công ty; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên hội đồng quản trị không điều hành. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
- Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên HĐQT, HĐQT có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ công ty. Việc bầu mới thành viên HĐQT thay thế phải được thực hiện tại ĐHCĐ gần nhất.

Điều 13. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị tuân thủ theo quy định tại Điều 34 của Điều lệ công ty

Điều 14. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
- Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo Quy định tại Điều 48 của Điều lệ công ty.

Điều 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

- Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
- Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
- Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.

5. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác.
7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.
8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.
9. Chủ tịch Hội đồng quản trị được nhân danh Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị theo quy định cụ thể của Hội đồng quản trị.

Điều 16. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của công ty.
3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.

Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành, gồm các nội dung chính sau đây:
 - a. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao:
 - Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý cấp cao;
 - Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
 - Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý cấp cao;
 - Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
 - Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.
 - b. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành:
 - Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành;

- Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành;
 - Các trường hợp Tổng Giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;
 - Báo cáo của Tổng Giám đốc điều hành với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
 - Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề uỷ quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành;
 - Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc điều hành theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.
5. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.
 6. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.
 7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.
 8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty.

Điều 17. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ của công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp theo quy định tại Khoản 9 Điều 38 của Điều lệ công ty.
3. Các cuộc họp Hội đồng quản trị thảo luận và thông qua nghị quyết về những vấn đề sau đây cần sự có mặt trực tiếp của các thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Phê chuẩn kế hoạch chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty.
 - b. Bầu chọn Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - c. Bãi nhiệm Tổng Giám đốc và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.
 - d. Tổ chức lại hoặc giải thể công ty.
 - e. Tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu.

Biên bản họp Hội đồng quản trị:

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.
5. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 4 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Trường hợp này, biên bản họp Hội đồng quản trị phải ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.
6. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
7. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
8. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
9. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.
10. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 18. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban kiểm toán nội bộ, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

Điều 19. Thù lao của Hội đồng quản trị

Thù lao của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và được công bố theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ công ty.

Điều 20. Thư ký công ty

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Thư ký công ty quy định tại Điều 43 của Điều lệ Công ty.
3. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 21. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Tiêu chuẩn, điều kiện, bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị quy định tại Điều 44 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 22. Ứng cử, đề cử kiểm soát viên

Việc ứng cử, đề cử kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều 45 Điều lệ Công ty.

Điều 23. Tư cách kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 24. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo qui định tại Điều lệ Công ty là ba (03) thành viên.
2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 25. Quyền của kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của các kiểm soát viên.

2. Công ty xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ kiểm soát viên hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 26. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ công ty.

Điều 27. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

Điều 28. Thù lao của Ban kiểm soát

Hàng năm, các kiểm soát viên được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Thù lao cho các kiểm soát viên được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà công ty đã thanh toán, cấp cho từng kiểm soát viên được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty và cho các cổ đông.

CHƯƠNG V. BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 29. Thành phần và thẩm quyền của Ban điều hành

1. Ban điều hành của Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc Công ty được quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty.
3. Phó Tổng Giám đốc phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.
4. Kế toán trưởng của Công ty phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;
 - b. Thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai (02) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba (03) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán bậc trung cấp.

Điều 30. Thẩm quyền của thành viên Ban điều hành

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc của Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, ủy quyền.
3. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Thành lập, bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với thành viên Ban điều hành

1. Hội đồng quản trị lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc Công ty.
2. Hội đồng quản trị lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trên cơ sở ý kiến đề xuất của Tổng Giám đốc.
3. Tổng Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp sẽ được thông báo và công bố theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 32. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác

Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác theo quy định tại Khoản 50 của Điều lệ công ty.

Điều 33. Giao dịch với các bên có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.
2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của công ty hay lũng đoạn giá cả.
3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

Điều 34. Giao dịch với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và người có liên quan Công ty khi tiến hành giao dịch với các bên có liên quan phải thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan đến cổ đông đó, trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này.
2. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh đối với cho các đối tượng sau:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm toán nội bộ, kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này.
 - b. Các cá nhân liên quan đến các đối tượng nêu tại điểm a khoản 2 Điều này;
 - c. Các tổ chức liên quan đến các thành viên nêu tại điểm a khoản 2 Điều này ngoại trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này.
3. Giao dịch giữa công ty với một đối tượng nêu tại khoản 2 Điều này và khoản 2 Điều 164 Luật doanh nghiệp dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất, giao dịch này phải được xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông.
4. Công ty phải công bố thông tin khi tiến hành giao dịch với các đối tượng liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm toán nội bộ, kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác như sau:
 - a. Người có liên quan của các thành viên nêu trên là tổ chức tín dụng, các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế.
 - b. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trước.
 - c. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành hoặc cổ đông lớn.
 - d. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

Điều 35. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến công ty.
2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến công ty thông qua việc:
 - a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;

- b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành.
3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

CHƯƠNG VII. ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 36. Đào tạo về quản trị công ty

Công ty tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị, Thư ký công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin.

CHƯƠNG VIII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 37. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- a. Luôn vì lợi ích chung của Công ty.
- b. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty.
- c. Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch.
- d. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành

1. HĐQT lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban điều hành trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Định kỳ hàng quý và năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị.
3. Tổng Giám đốc không đồng thời là thành viên HĐQT được mời tham dự (không biểu quyết) các cuộc họp HĐQT.
4. Các chương trình/ dự án nghiên cứu, khảo sát, các cuộc đàm phán, ký kết hợp đồng của Công ty có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT để cử thành viên HĐQT tham dự.

CHƯƠNG IX. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 39. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và

công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra, công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

- Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 40. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty

- Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 137 Luật doanh nghiệp.
- Trong trường hợp Công ty thay đổi mô hình hoạt động, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi ĐHĐCĐ có quyết định thay đổi mô hình.

Điều 41. Công bố thông tin về quản trị công ty

- Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 42. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của Công ty

Tiền lương của Tổng Giám đốc Công ty và các chức danh quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

Điều 43. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 33 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

- Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong thời gian ba (01) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc cổ đông lớn.
- Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

Điều 44. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:
 - a. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;
 - b. Thực hiện công bố thông tin theo điều 61 của Điều lệ công ty;
2. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty có thể ủy quyền công bố thông tin cho một cán bộ quản lý.

Người ủy quyền công bố thông tin là người

 - a. Có kiến thức về kế toán tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
 - c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định;
 - d. Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG X. GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 45. Giám sát

Công ty, các tổ chức và cá nhân có liên quan phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Xử lý vi phạm

Công ty, các tổ chức và cá nhân có liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này tùy theo tính chất, mức độ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Sửa đổi bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 48. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm XI chương, 48 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC thống nhất thông qua theo Nghị quyết số NQ/ĐHĐCĐ/..... ngày ... tháng ... năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức

Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị./.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

(Ban hành kèm theo Nghị quyếtsố ngày.....tháng năm 2021

của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC)

HÀ NỘI, Tháng .../2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2. Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị	2
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	2
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	3
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị	5
Điều 9. Bãi nhiệm, miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	8
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	9
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	9
Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	11
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	11
Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị	12
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị	12
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	13
Điều 18. Trình báo cáo hằng năm	13
Điều 19. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan	14
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	15
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành	15
Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	15
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	16
Điều 24. Hiệu lực thi hành	16

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xăng dầu HFC;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số.....ngày.....tháng.....năm 2021

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xăng dầu HFC

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xăng dầu HFCX bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xăng dầu HFC

Điều 2. Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị

Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm

trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

(Theo Điều 159 của Luật Doanh Nghiệp)

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin,

tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số thành viên của Hội đồng quản trị là 5 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên không nắm giữ một vị trí điều hành nào trong Công ty, tức là không đồng thời là thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập, chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - g. Chủ tịch Hội đồng quản trị được nhân danh Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị theo quy định cụ thể của Hội đồng quản trị.
 - h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của Thư ký công ty quy định tại Điều 43 của Điều lệ Công ty.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 9. Bãi nhiệm, miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

- i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
3. Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại điều 35 Điều lệ công ty, Điều 16 Quy chế quản trị nội bộ công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo

cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu

cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Các tiểu ban này phụ trách về các vấn đề liên quan đến chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng đảm bảo tối thiểu ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại

Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều 38 Điều lệ công ty và tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Trường hợp này, biên bản họp Hội đồng quản trị phải ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

1. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây để trình bày tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
 - b. Báo cáo tài chính kiểm toán;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
4. Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này trong thời gian họp lý.

Điều 19. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản

trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc mà thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện nghị quyết. Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành được quy định tại Điều 38 Quy chế quản trị nội bộ công ty.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Bản Quy chế này này gồm 7 chương 24 điều được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xăng dầu HFC nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Bản Quy chế này được lập thành hai bản có giá trị như nhau và lưu tại trụ sở chính của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
4. Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Xăng dầu HFC chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Số: 35.9/2021/TTr/HFC-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát công ty như sau:

Theo quy định tại Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán quy định Ban Kiểm soát có trách nhiệm: “Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua”.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế mẫu ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Ban Kiểm soát đã xây dựng bản Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Toàn văn quy chế này được nêu tại phụ lục đính kèm tờ trình này.

Các quy định của Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Trưởng Ban Kiểm soát ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Xăng dầu HFC;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Công Lương

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ... ngày ... tháng... năm...
của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC)*

HÀ NỘI, Tháng.....năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Trách nhiệm pháp lý của Ban kiểm soát.....	3
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	3
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VIÊN.....	4
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên.....	4
Điều 5: Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên.....	4
Điều 6: Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên.....	4
Điều 8: Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên.....	5
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	6
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	7
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	7
CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT.....	8
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	8
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	10
Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	10
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT.....	11
Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	11
Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	11
CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH.....	12
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm.....	12
Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác.....	12
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	13
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	13
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	13
Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành.....	13
Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	14
CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	14
Điều 23. Sửa đổi, bổ sung.....	14
Điều 24. Hiệu lực thi hành.....	15

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xăng dầu HFC;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xăng dầu HFC.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xăng dầu HFC bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên Công ty.

Điều 2. Trách nhiệm pháp lý của Ban kiểm soát

Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên cần tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và chịu trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các Kiểm soát viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của mình.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5: Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát có ba (03) Kiểm soát viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa (1/2) số Kiểm soát viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6: Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên

1. Thành viên Ban Kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

- d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- e. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- f. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

- 1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- 2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
- 3. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8: Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

- 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên và từ 90% trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.

Việc đề cử người vào Ban kiểm soát được thực hiện như sau:

- a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b. Căn cứ số lượng Kiểm soát viên, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của

- Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.
 3. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
 4. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
 5. Trường hợp không được đề cử người vào Ban kiểm soát:

Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Ban kiểm soát, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống

thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp và Quy chế này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng, vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác;
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

- Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.
- Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại điểm này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định về trách nhiệm tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
13. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty theo đề nghị của cổ đông.
14. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp cần thiết.
15. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
16. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
17. Xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
18. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.
19. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
20. Giám sát tình hình tài chính công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
21. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
22. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
23. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
24. Chứng kiến, giám sát Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
25. Trường Ban kiểm soát có trách nhiệm điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.
2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ công ty;
 - b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;
 - c. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát trong trường hợp Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định đối với các trường hợp tại Khoản 1 Điều này thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
3. Kiểm soát viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
4. Cuộc họp của Ban kiểm soát có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các Kiểm soát viên khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng Kiểm soát viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Kiểm soát viên tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất Kiểm soát viên, hoặc là địa điểm có mặt Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

1. Các cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài.
2. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Ban kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Kiểm soát viên phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty khác do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các Kiểm soát viên.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.
2. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc các Kiểm soát viên tham dự các cuộc họp của Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.

3. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty.
4. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Công ty, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Ban kiểm soát.
5. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
6. Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.
3. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các Kiểm soát viên trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời Kiểm soát viên tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.
5. Ban kiểm soát kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của người điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
6. Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.
7. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các Kiểm soát viên có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Ban kiểm soát soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy

định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm VII chương, 24 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC thống nhất thông qua ngày tháng năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này có giá trị khi có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật.
3. Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên của Công ty cổ phần Xăng dầu HFC chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Số: 35.10/2021/TTr/HFC-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2021

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG****Về việc: Thông qua phương án tái cơ cấu HFC Dịch vụ và HFC Vận tải****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC****Căn cứ:** Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC;

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (“HFC”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua phương án tái cơ cấu công ty con và công ty liên kết như sau:

1) Thống nhất chủ trương tái cơ cấu Công ty TNHH Dịch vụ HFC và Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ thương mại HFC theo hướng đảm bảo hiệu quả nhất cho Công ty HFC, kể cả phương án giải thể công ty con và công ty liên kết – nếu cần thiết.

2) Giao nhiệm vụ và ủy quyền cho HĐQT HFC căn cứ quy định của pháp luật lựa chọn phương án và triển khai thực hiện tái cơ cấu Công ty TNHH Dịch vụ HFC và Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ thương mại HFC. Kết quả phải được báo cáo trong kỳ đại hội sau.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH****Nơi nhận:**

- Như kính gửi
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu Thư ký Công ty.

Nguyễn Trọng Hậu

Số: 35.11/2021/TTr/HFC-HĐQT

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**Về việc Bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC***Căn cứ:*

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC;

Theo quy định của pháp luật, Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC sẽ tiến hành bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới (nhiệm kỳ 2021 - 2026) tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 do Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát hiện tại đã hết nhiệm kỳ.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026 như sau:

I. DỰ KIẾN SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HĐQT, DANH SÁCH ỨNG CỬ VIÊN HĐQT**1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

Số lượng thành viên HĐQT là 05 thành viên. Trong đó, tổng số thành viên HĐQT không điều hành chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT.

2. Danh sách ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị

Căn cứ vào nguyên tắc đề cử, ứng cử và tổng hợp kết quả tiếp nhận hồ sơ ứng viên tham gia ứng cử, HĐQT trình Đại hội danh sách các ứng cử viên thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 - 2026, gồm:

1. Ông/Bà
2. Ông/Bà

II. DỰ KIẾN SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, DANH SÁCH ỨNG CỬ VIÊN BAN KIỂM SOÁT**1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát**

Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 thành viên.

2. Danh sách ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát

Căn cứ vào nguyên tắc đề cử, ứng cử và tổng hợp kết quả tiếp nhận hồ sơ ứng viên tham gia ứng cử, HĐQT trình Đại hội danh sách các ứng cử viên thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026, gồm:

1. Ông/Bà
2. Ông/Bà

Kèm theo Tờ trình này là Bản Thông tin cá nhân của các ứng cử viên nói trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Xăng dầu HFC;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trọng Hậu

Ghi chú: Tài liệu này có thể được sửa đổi, bổ sung thích hợp và trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định tại Đại hội

Hà Nội, ngày ... tháng 06 năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2021 – 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (“Luật Doanh nghiệp”) ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (“Điều lệ Công ty”).

Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC công bố Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (“HFC”) như sau:

Điều 1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- **Mục đích:** Quy chế này được xác lập nhằm quy định cụ thể các nguyên tắc, phương thức cho việc đề cử, ứng cử và bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC nhiệm kỳ 2021 – 2026.
- **Phạm vi điều chỉnh:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC.
- **Đối tượng áp dụng:** Tất cả các Đại biểu, đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên HFC đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Số lượng và tiêu chuẩn ứng cử viên vào Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát.

1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu là 05 thành viên, Ban kiểm soát 03 thành viên.
2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (Theo

Điều 155 luật doanh nghiệp năm 2020)

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật này thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

2. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật này phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liên trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liên trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày

không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên (Theo khoản 1 điều 169 luật doanh nghiệp này)

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 3. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên HĐQT, ban Kiểm soát (Theo khoản 5 Điều 115 luật doanh nghiệp 2020 và Điều 47 Điều lệ Công ty)

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có

- quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 4. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào thành viên HĐQT, BKS

1. Hồ sơ đề cử vào HĐQT, BKS

- a. Các cổ đông đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT, BKS quy định tại Điều 32 Quy chế này có thể làm hồ sơ để ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT, BKS.
- b. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên để bầu vào HĐQT, BKS bao gồm:
 - Đơn xin đề cử hoặc ứng cử vào HĐQT, BKS;
 - Sơ yếu lý lịch ứng viên có xác nhận của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương;
 - Bản sao các giấy tờ sau: CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú;
 - Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.
- c. Người đề cử/ứng cử vào HĐQT, BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng viên vui lòng gửi hồ sơ về trước 16 giờ 00 phút, ngày 14/06/2021.

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Địa chỉ: Tầng F3, tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Điện thoại: 024 3978 0731

Fax: 024 3978 2341

Điều 5. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên Hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các

ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS.

Điều 6. Nguyên tắc bầu cử

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Điều 7. Người có quyền bầu cử

Người có quyền bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021 - 2026 là cổ đông của HFC sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng: 20/05/2021) hoặc ủy quyền cho Đại diện của mình có mặt tại Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC.

Điều 8. Phương thức bầu cử

1. Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (Theo Điều 24 Điều lệ Công ty).
2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (bao gồm cả số cổ phần sở hữu, và/hoặc được ủy quyền) nhân với số lượng thành viên được bầu của HĐQT, BKS. Cụ thể theo công thức sau:

Bầu thành viên HĐQT, BKS:

$$\text{Tổng số phiếu biểu quyết} = \frac{\text{Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết}}{\text{Số thành viên được bầu của HĐQT, BKS}} \times$$

3. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số quyền biểu quyết của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia tổng số phiếu của mình cho một số ứng cử viên.
4. Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).

Điều 9. Phiếu bầu, ghi phiếu bầu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử
 - a. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến thực hiện bỏ phiếu điện tử bằng cách truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến (hệ thống EzGSM): <https://ezgsm.fpts.com.vn> để thực hiện bầu cử.
 - b. Đại biểu tiến hành bầu cử thông qua bỏ phiếu điện tử tương tự như cách ghi phiếu

bầu cử trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Theo đó:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số lượng thành viên được bầu vào HĐQT, bầu vào BKS;
- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc hoặc chia đều số phiếu cho một số ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô trống tại ô “Bầu dồn đều phiếu” của các ứng viên tương ứng.
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Sau khi nhập xong phiếu bầu cử, đại biểu nhấn “**Bầu cử**” để lưu và gửi kết quả bầu cử đến hệ thống. Đại biểu có quyền thay đổi kết quả bầu cử. Kết quả bầu cử được ghi nhận là kết quả bầu cử được lưu trên hệ thống cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu theo quy định.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

c. Các phiếu bầu sau đây được coi là không hợp lệ:

- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng thành viên HĐQT được Đại hội đồng cổ đông thông qua để bầu bổ sung;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không bằng “tổng số lượng phiếu bầu” của đại biểu được ghi trên phiếu bầu cử.
- Phiếu bầu cử được hệ thống ghi nhận khi đã hết thời gian biểu quyết bầu cử theo quy định.

Đối với các phiếu bầu không hợp lệ, hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến (hệ thống EzGSM) sẽ có cảnh báo đến đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Đại biểu có trách nhiệm điều chỉnh phiếu bầu cho hợp lệ. Hệ thống không ghi nhận phiếu bầu không hợp lệ và đại biểu được coi là không tham gia bỏ phiếu bầu cử thông qua hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

d. Hệ thống ghi nhận số phiếu bầu cử cho từng ứng viên của các đại biểu tham gia bỏ phiếu.

2. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra, tổng hợp kết quả kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của đại biểu (nếu có).

Điều 10. Phương thức bầu cử, Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện bỏ phiếu theo phương thức bầu dồn phiếu (Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020). Theo đó:
 - a. Mỗi đại biểu có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu vào Hội đồng quản trị;
 - b. Đại biểu có thể dồn hết tổng số phiếu bầu cho một người hoặc một số người, nhưng không quá số thành viên đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua. Trường hợp, số thành viên được bầu (bổ sung) vào Hội đồng quản trị bằng một (01), cổ đông chỉ được dồn hết tổng số phiếu bầu cho một người.

Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu tham dự trực tiếp có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu). Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử (nếu có) có thể thay đổi kết quả bầu cử cho đến trước khi kết thúc thời gian biểu quyết và bầu cử theo quy định.

2. Nguyên tắc trúng cử

- a. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp (bao gồm cả phiếu bầu trực tiếp tại Đại hội và phiếu bầu qua hệ thống bỏ phiếu điện tử), bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
 - b. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.
3. Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên HĐQT, BKS thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 11. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.
2. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.
3. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ áp

dụng cho việc ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2021 - 2026 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trọng Hậu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tên tôi là:.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Số cổ phần (CP) nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC:

- Số CP sở hữu của cá nhân:cổ phần

- Số CP sở hữu đại diện (Nhà nước/CĐ chiến lược/tổ chức khác):cổ phần

Tổng số CP sở hữu:CP, tương ứng..... % tổng số CP có quyền biểu quyết.

Đề nghị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC cho tôi được tự ứng cử làm ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC.

Tôi cam đoan những thông tin tôi cung cấp là đúng sự thật và tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ gửi kèm.

Xin trân trọng cảm ơn./.

....., ngày..... tháng năm 2021

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao hợp lệ các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch.

Người ứng cử

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC
NHIỆM KỲ 2021 – 2026

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tôi tên là:
CMND số: Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn:
Trình độ chuyên môn:

Số cổ phần (CP) nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC:

- Số CP sở hữu của cá nhân: cổ phần
 - Số CP sở hữu đại diện (Nhà nước/CĐ chiến lược/tổ chức khác): cổ phần
- Tổng số CP sở hữu:..... CP, tương ứng% tổng số CP có quyền biểu quyết.

Tôi (đại diện nhóm cổ đông của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC cùng nhau nắm giữ cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty liên tục ít nhất 06 tháng) nhất trí đề cử:

Ông/Bà:
CMND số: Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn:
Trình độ chuyên môn:

Số cổ phần (CP) nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC:

- Số CP sở hữu của cá nhân: cổ phần
 - Số CP sở hữu đại diện (Nhà nước/CĐ chiến lược/tổ chức khác): cổ phần
- Tổng số CP sở hữu:..... CP, tương ứng% tổng số CP có quyền biểu quyết.

làm ứng viên tham gia Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu của người (đại diện) đề cử và người được đề cử;
- Bản sao hợp lệ các bằng cấp của người được đề cử;
- Sơ yếu lý lịch ứng viên của người được đề cử.

....., ngày..... tháng năm 2021

CỔ ĐÔNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tên tôi là:.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Số cổ phần (CP) nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC:

- Số CP sở hữu của cá nhân:cổ phần

- Số CP sở hữu đại diện (Nhà nước/CD chiến lược/tổ chức khác):cổ phần

Tổng số CP sở hữu:CP, tương ứng..... % tổng số CP có quyền biểu quyết.

Đề nghị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC cho tôi được tự ứng cử làm ứng cử viên tham gia vào Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Ban kiểm soát, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC.

Tôi cam đoan những thông tin tôi cung cấp là đúng sự thật và tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ gửi kèm.

Xin trân trọng cảm ơn./.

....., ngày..... tháng năm 2021

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao hợp lệ các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch.

Người ứng cử

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC
NHIỆM KỲ 2021 – 2026

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tôi tên là:
CMND số: Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn:
Trình độ chuyên môn:

Số cổ phần (CP) nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC:

- Số CP sở hữu của cá nhân: cổ phần
 - Số CP sở hữu đại diện (Nhà nước/CĐ chiến lược/tổ chức khác): cổ phần
- Tổng số CP sở hữu: CP, tương ứng % tổng số CP có quyền biểu quyết.

Tôi (đại diện nhóm cổ đông của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC cùng nhau nắm giữ cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty liên tục ít nhất 06 tháng) nhất trí đề cử:

Ông/Bà:
CMND số: Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn:
Trình độ chuyên môn:

Số cổ phần (CP) nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC:

- Số CP sở hữu của cá nhân: cổ phần
 - Số CP sở hữu đại diện (Nhà nước/CĐ chiến lược/tổ chức khác): cổ phần
- Tổng số CP sở hữu: CP, tương ứng % tổng số CP có quyền biểu quyết.

làm ứng viên tham gia Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu của người (đại diện) đề cử và người được đề cử;
- Bản sao hợp lệ các bằng cấp của người được đề cử;
- Sơ yếu lý lịch ứng viên của người được đề cử.

....., ngày..... tháng năm 2021

CỔ ĐÔNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên tham gia Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2026)

1. Họ và tên:.....
2. Giới tính:.....
3. Ngày tháng năm sinh:
4. Nơi sinh:
5. Số CMND/CCCD (hoặc số hộ chiếu): Ngày cấp: Nơi cấp:.....
6. Quốc tịch:.....
7. Dân tộc:.....
8. Quê quán:.....
9. Địa chỉ thường trú:.....
10. Trình độ văn hóa:.....
11. Trình độ chuyên môn:.....
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
...	...

13. Chức vụ Công tác hiện nay:
14. Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác* :.....
15. Số cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC:
 - Số cổ phần sở hữu của cá nhân:.....cổ phần
 - Số cổ phần sở hữu đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác):
cổ phần
16. Số cổ phần của người liên quan nắm giữ:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ	Số lượng CP/CCQ	Mối
-----	---------------------	------------	-----------------	-----

* Các chức vụ tại các tổ chức khác bao gồm: thành viên HĐQT, BKS hoặc các chức vụ quản lý khác.

		chiếu/ĐKKD (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	năm giữ	quan hệ

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

.....,Ngày...tháng...năm 2021

Người khai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên tham gia Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026)

1. Họ và tên:.....
2. Giới tính:.....
3. Ngày tháng năm sinh:
4. Nơi sinh:
5. Số CMND/CCCD (hoặc số hộ chiếu): Ngày cấp: Nơi cấp:.....
6. Quốc tịch:.....
7. Dân tộc:.....
8. Quê quán:.....
9. Địa chỉ thường trú:.....
10. Trình độ văn hóa:.....
11. Trình độ chuyên môn:.....
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
...	...

13. Chức vụ Công tác hiện nay:
14. Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác* :.....
15. Số cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC:
 - Số cổ phần sở hữu của cá nhân:.....cổ phần
 - Số cổ phần sở hữu đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác):cổ phần
16. Số cổ phần của người liên quan nắm giữ:

* Các chức vụ tại các tổ chức khác bao gồm: thành viên HĐQT, BKS hoặc các chức vụ quản lý khác.

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ	Mối quan hệ

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

.....,Ngày....tháng...năm 2021

Người khai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP NHÓM
ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Hôm nay, ngày/...../2021, tại, chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC cùng nhau nắm giữ cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty liên tục ít nhất 06 tháng, có tên trong Danh sách dưới đây:

Cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Ký tên
TỔNG SỐ CỔ PHẦN				

cùng nhất trí đề cử cá nhân sau đây làm ứng viên tham gia Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC trong nhiệm kỳ 2021 – 2026:

Ông/Bà:

CMND số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:

Trình độ chuyên môn:

Số cổ phần (CP) nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC:

- Số CP sở hữu của cá nhân: cổ phần

- Số CP sở hữu đại diện (Nhà nước/CD chiến lược/tổ chức khác): cổ phần

Tổng số CP sở hữu: CP, tương ứng% tổng số CP có quyền biểu quyết.

Đồng thời chúng tôi thông nhất cử cá nhân sau đây làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử bổ sung ứng viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC nhiệm kỳ nhiệm kỳ 2021 – 2026:

Ông/ Bà:

CMND số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:

Trình độ chuyên môn:

Số cổ phần (CP) nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC:

- Số CP sở hữu của cá nhân: cổ phần

- Số CP sở hữu đại diện (Nhà nước/CD chiến lược/tổ chức khác): cổ phần

Tổng số CP sở hữu: CP, tương ứng% tổng số CP có quyền biểu quyết.

Biên bản này được lập vào lúc giờ, ngày/...../2021 tại

....., ngày tháng năm 2021

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP NHÓM
ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Hôm nay, ngày/...../2021, tại, chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC cùng nhau nắm giữ cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty liên tục ít nhất 06 tháng, có tên trong Danh sách dưới đây:

Cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Ký tên
TỔNG SỐ CỔ PHẦN				

cùng nhất trí đề cử cá nhân sau đây làm ứng viên tham gia Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC trong nhiệm kỳ 2021 – 2026:

Ông/Bà:

CMND số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:

Trình độ chuyên môn:

Số cổ phần (CP) nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC:

- Số CP sở hữu của cá nhân: cổ phần

- Số CP sở hữu đại diện (Nhà nước/CD chiến lược/tổ chức khác): cổ phần

Tổng số CP sở hữu: CP, tương ứng% tổng số CP có quyền biểu quyết.

Đồng thời chúng tôi thông nhất cử cá nhân sau đây làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử bổ sung ứng viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC nhiệm kỳ nhiệm kỳ 2021 – 2026:

Ông/ Bà:

CMND số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:

Trình độ chuyên môn:

Số cổ phần (CP) nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC:

- Số CP sở hữu của cá nhân: cổ phần

- Số CP sở hữu đại diện (Nhà nước/CD chiến lược/tổ chức khác): cổ phần

Tổng số CP sở hữu: CP, tương ứng% tổng số CP có quyền biểu quyết.

Biên bản này được lập vào lúc giờ, ngày/...../2021 tại

....., ngày tháng năm 2021

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)